



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐC: SỐ 02 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Website: <http://sct.travinh.gov.vn> - Điện thoại: 0294 3852 594

Số 08

Ngày 01/6/2022



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

TỔNG HỢP HÀNG TUẦN - PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**Thông tin phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp
tham khảo, điều hành**

<i>Trong số này:</i>	<i>Trang</i>
MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý	1
Kinh tế thế giới	1
Kinh tế trong nước	2
Thông tin chính sách và phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật	3
THÔNG TIN NÔNG SẢN	4
Mỹ vượt Trung Quốc để trở thành thị trường XK nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam	4
Nhiều nhà nhập khẩu quan tâm nguồn thanh long Việt Nam chất lượng cao	6
THÔNG TIN THỦY SẢN	9
Tận dụng Hiệp định RCEP, xuất khẩu thủy sản sang Australia dự báo tăng mạnh	9
Nhiều doanh nghiệp cá tra đang nhắm mục tiêu sang Mexico, Ai Cập và Thái Lan	10
THÔNG TIN CHĂN NUÔI	12
Ngành chăn nuôi heo: Biến động, chuyển dịch và thách thức	12
Việt Nam sẽ vươn lên vị trí thứ hai ở châu Á về tiêu thụ thịt heo	15
THÔNG TIN LÚA GẠO	16
Tổng quan thị trường lúa gạo đến ngày 20/5: Giá lúa gạo ổn định đến nhích nhẹ	16
THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	18
Tổng quan thị trường phân bón và dự báo	18
Chủng loại phân bón nhập khẩu nửa đầu tháng 4/2022	19
THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	21
Thủy hải sản Việt Nam có nhiều cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ tại Algeria	21
THÔNG TIN GIAO THƯƠNG	23
THÔNG TIN CẢNH GIÁC	26
Chăn nuôi heo miền Tây gặp khó khi giá thức ăn chăn nuôi tăng cao	26
THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM	27
Thực phẩm chế biến từ côn trùng có thể gây hậu quả khôn lường cho sức khỏe	27
GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	28
Giá cả trong tỉnh	28

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý

1. KINH TẾ THẾ GIỚI

Kết quả khảo sát tích cực về triển vọng kinh tế Eurozone

Theo kết quả một cuộc khảo sát được Cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế S&P Global Market công bố ngày 24/5, nền kinh tế Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) có thể chống chịu được lạm phát tăng cao và hậu quả của cuộc xung đột ở Ukraine. Cụ thể, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) của Eurozone chỉ giảm nhẹ từ 55,8 hồi tháng 4 xuống 54,9 và trở lại mức của tháng 3 và cao hơn so với mức trung bình dài hạn. Chỉ số PMI trên 50, tức là đạt tăng trưởng. Ngành du lịch và giải trí hoạt động khởi sắc sau đại dịch COVID-19 đã bù cho tình trạng các nhà máy giảm hoạt động do gặp khó khăn về chuỗi cung ứng và giá cả tăng cao.



Theo nhà kinh tế trưởng của S&P Global Market Chris Williamson, nền kinh tế

châu Âu được thúc đẩy bởi nhu cầu đối với các dịch vụ bị dồn nén trong đại dịch COVID-19 trong bối cảnh các nước châu Âu đang dỡ bỏ dần các biện pháp phòng chống dịch. Tuy nhiên, ông Williamson cho rằng vẫn cần phải theo dõi xem sự phục hồi này có thể kéo dài bao lâu, nhất là trong bối cảnh chi phí sinh hoạt tăng cũng như những khó khăn của ngành chế tạo đang làm ảnh hưởng tới nền kinh tế chung của khối. Kết quả khảo sát cho thấy Pháp là nước ghi nhận tăng trưởng mạnh nhất, trong khi Đức, nền kinh tế lớn nhất trong Eurozone, đạt đà tăng trưởng ít do ngành chế tạo của nước này chỉ phục hồi nhẹ sau khi suy giảm trong tháng 4.

Giới kinh doanh bi quan về triển vọng kinh tế Mỹ

Một cuộc suy thoái đang “rình rập” nước Mỹ, khi tỷ lệ lạm phát tiếp tục tăng cao và các biện pháp kiềm chế nó vẫn chưa mang lại kết quả đáng kể. Đối với các giám đốc điều hành doanh nghiệp (CEO) trên khắp nước Mỹ, điều này báo trước một tương lai gần không mấy hứa hẹn. Ngày 18/5, tổ chức nghiên cứu The Conference Board đã công bố cuộc khảo sát mới nhất về niềm tin của các CEO và cho thấy gần 60% lãnh đạo doanh nghiệp đang dự báo nền kinh tế Mỹ sẽ suy thoái, thường được định nghĩa là sự sụt giảm Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong hai quý liên tiếp, trong vòng vài năm tới.

Là một phần của cuộc khảo sát, các CEO được yêu cầu bày tỏ quan điểm của họ về việc làm, tiền lương và chi tiêu vốn tại công ty của họ, cũng như kỳ vọng của họ về điều kiện kinh doanh trong những tháng tới. Ở mỗi vấn đề được hỏi, các CEO nhìn chung đều đưa ra nhận định rất bi quan. Khi được hỏi về các điều kiện kinh doanh hiện tại mà doanh nghiệp của họ đang hoạt động, 65% số CEO tham gia khảo sát đánh giá rằng nó sẽ tệ hơn trong quý II/2022, so với 35% cho rằng sẽ tương tự như trong quý I. Chỉ 14% CEO đánh giá điều kiện kinh doanh sẽ tốt hơn so với sáu tháng trước.

Về tương lai, 60% người được hỏi dự đoán điều kiện kinh tế sẽ xấu đi trong tương lai gần, so với chỉ 19% người nói rằng điều kiện kinh tế sẽ cải thiện. Phần lớn sự bi quan của họ bắt nguồn từ tình trạng lạm phát và các động thái của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) để kiềm chế lạm phát bằng cách tăng lãi suất, điều mà họ cho rằng sẽ đẩy nền kinh tế vào suy thoái. Tuy nhiên, 57% CEO trong cuộc khảo sát dự đoán cuộc suy thoái này sẽ “rất ngắn và nhẹ”, trái ngược với 11% dự đoán rằng nước Mỹ sẽ rơi vào một cuộc suy thoái đầy thách thức và 20% dự đoán một giai đoạn lạm phát đình trệ sẽ bắt đầu.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

2. KINH TẾ TRONG NƯỚC

Doanh nghiệp FDI thành lập mới đang tăng

Theo Tổng cục Thống kê, sau 2 năm ảnh hưởng của dịch Covid-19, các doanh nghiệp rất hào hứng với trạng thái bình thường mới. Nhiều chính sách của Quốc hội, Chính phủ được ban hành có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong nước nói chung và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) nói riêng. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới lần đầu tiên chạm mốc 15 nghìn doanh nghiệp, nếu tính cả số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động thì số doanh nghiệp tham gia thị trường trong tháng 4 gấp hơn 2 lần so với doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp thành lập mới tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2021; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 60,6% và số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể giảm 17,5%.



Kết quả đạt được trong phát triển kinh tế – xã hội những tháng đầu năm 2022 đã tạo niềm tin cho doanh nghiệp FDI vào môi trường đầu tư ở Việt Nam. Tháng 4 năm 2022 có 136 doanh nghiệp nước ngoài đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 5,6 nghìn tỷ đồng, tăng 21,4% về số doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước và tăng 15,9% về số vốn đăng ký. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, có 464 doanh nghiệp nước ngoài đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 15,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% về số doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước và giảm 34,2% về số vốn đăng ký.

Theo báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham), chỉ số môi trường kinh doanh của Việt Nam trong quý I/2022 đạt 73 điểm phần trăm, tăng 12 điểm phần trăm so với quý IV/2021. Đà tăng này được kỳ vọng sẽ còn tiếp tục duy trì trong thời gian tới. Việc khôi phục các đường bay quốc tế và mở cửa hoàn toàn du lịch quốc tế trong tháng 3 vừa qua được cộng đồng các doanh nghiệp châu Âu hoan nghênh. Trong hơn 1000 doanh nghiệp được hỏi thì có hơn 2/3 số doanh nghiệp tin rằng nền kinh tế Việt Nam có nhiều khả năng ổn định và cải thiện trong quý II/2022. Đây là tín hiệu đáng mừng cho việc thu hút vốn đầu tư vào Việt Nam trong thời gian tới. Để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhiều địa phương đã triển khai các chính sách đặc thù như việc rút ngắn các thủ tục hành chính, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua việc tạo lập hình ảnh từ các doanh nghiệp lớn tiên phong. Trong 4 tháng đầu năm 2022, tổng vốn đăng ký vào Việt Nam là 10,8 tỷ USD, trong đó Bình Dương 2,3 tỷ USD (chiếm 21,7% tổng vốn đăng ký); Bắc Ninh 1,6 tỷ USD (chiếm 14,5%); TP Hồ Chí Minh 1,3 tỷ USD (chiếm 11,8%); Thái Nguyên 943,9 triệu USD (chiếm 8,7%). Vốn thực hiện 4 tháng đầu năm 2022 là 5,92 tỷ USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 4,49 tỷ USD, chiếm 75,8% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 555 triệu USD, chiếm 9,4%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 498,4 triệu USD, chiếm 8,4%. Nhiều doanh nghiệp FDI đã tăng cường tuyển dụng lao động để đáp ứng được nhu cầu mở rộng sản xuất, hoàn thành các đơn hàng sau giai đoạn bị ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài là một trong những yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng cho tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần bổ sung vốn, công nghệ, năng lực quản lý, khả năng kinh doanh, khả năng tổ chức và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Việt Nam luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến các nhà đầu tư, sát cánh cùng các doanh nghiệp vượt qua khó khăn để cùng phát triển. Để tiếp tục duy trì sức hấp dẫn trong thu hút doanh nghiệp FDI, đồng thời khai thác có hiệu quả, Việt Nam cần có những chính sách quản lý chặt chẽ hơn để tận dụng những tác động tích cực và hạn chế những rủi ro tiềm ẩn cho nền kinh tế. Cần khuyến khích thu hút các dự án FDI có khả năng tạo tác động lan tỏa, tạo ngoại ứng tích cực cho các doanh nghiệp trong nước, giúp các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào các mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

3. THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ PHỔ BIẾN ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

Các vấn đề chính sách doanh nghiệp trong chờ thay đổi

Thu phí hạ tầng cảng biển; thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; tăng lương tối thiểu vùng; hướng dẫn ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm và quy định về ngưỡng chỉ tiêu phốt pho trong nước thải chế biến thủy sản là 5 vấn đề mà doanh nghiệp thủy sản đang mong chờ có sự thay đổi, cải thiện phù hợp để tạo điều kiện cho doanh nghiệp khôi phục và phát triển sản xuất (SX), kinh doanh.

Thu phí hạ tầng cảng biển tại Tp. HCM: Nhiều bất cập

Thu phí hạ tầng cảng biển – một vấn đề nóng gây sốt trong cộng đồng Doanh nghiệp (DN) các ngành và báo chí truyền thông từ tháng 2/2022, nhất là những ngày đầu tháng 5/2022. Ngày 11/5/2022, Bộ Tài chính đã có Công văn số 3978 gửi UBND TP.HCM đề nghị xem xét lại phí sử dụng hạ tầng cảng biển. Đây là lần thứ 4, Bộ Tài chính đề nghị TP HCM sửa mức thu phí hạ tầng cảng biển trên địa bàn, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

Liên quan đến vấn đề này, ngay từ đầu tháng 3/2022, VASEP và 6 Hiệp hội ngành hàng đã gửi thư kiến nghị tới Văn phòng CP, Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính và HỖND và UBND Thành phố HCM đề nghị chưa triển khai thực hiện thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, cảng biển trên địa bàn Tp. HCM theo Nghị quyết số 10/2020. Cộng đồng DN hy vọng lần này, Tp HCM sẽ không bỏ ngoài tai ý kiến của Bộ Tài chính cũng như các kiến nghị của các Hiệp hội ngành hàng.

Vấn đề kiểm dịch thủy sản NK: Chờ thông tư mới của Bộ NN và PTNT

Đã đến giữa quý II/2022, cộng đồng DN thủy sản đang hồi hộp trước thời điểm Bộ NN và PTNT chính thức ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản. Đến nay dự thảo Thông tư này vẫn đang đang được Bộ NN&PTNT lấy ý kiến góp ý. Góp ý cho dự thảo này, ngày 24/04/2022, Hiệp hội VASEP đã gửi công văn tới Bộ NN&PTNT kiến nghị một số điểm: Thứ nhất Bộ nên xem xét ra Thông tư mới thay thế Thông tư số 26/2016 TT-BNNPTNT và các thông tư sửa đổi bổ sung liên quan để cho việc tra cứu, thực thi hiệu quả hơn.

Một nội dung quan trọng là các DN cũng đề nghị Bộ NN&PTNT giữ nguyên quy định để sản phẩm động vật thủy sản đã chế biến chín miễn kiểm dịch và hàng thủy sản NK dạng đông lạnh dùng làm thực phẩm và đầu cá cũng không phải kiểm dịch.

Ngoài ra, VASEP cũng đề nghị không bãi bỏ Thông tư số 11/2019/TT-BNNPTNT như trong dự thảo sửa đổi, vì Thông tư này được ban hành nhằm tháo gỡ khó khăn cho các DN hải sản có NK nguyên liệu gián tiếp qua cảng trung chuyển khỏi bị ùn ứ tại cảng, không được kiểm dịch để thông quan vì không xin được Giấy xác nhận do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi có cảng trung chuyển cấp. VASEP cũng kiến nghị sửa đổi quy định về phương thức nộp hồ sơ kiểm dịch: cho phép DN được hoàn tất các thủ tục nộp hồ sơ kiểm dịch hoàn toàn trên các kênh online, không phải nộp hồ sơ giấy để tiết giảm thời gian, chi phí thực hiện. Đồng thời VASEP cũng đề nghị bổ sung quy định kiểm dịch đối với hàng thủy sản chuyên mục đích sử dụng sang tiêu thụ nội địa có nguồn gốc nhập khẩu để sản xuất XK, gia công XK.

Đề nghị lùi áp dụng tăng lương tối thiểu vùng tới ngày 1/1/2023

Sau 2 năm bị ảnh hưởng bởi dịch Covid, nhiều DN kiệt quệ về tài chính và nhiều vấn đề khác, DN đang phải nỗ lực khắc phục khó khăn để hồi phục dần dần. Vẫn đang bị ảnh hưởng bởi dịch Covid, nhiều doanh nghiệp có nguy cơ phải cắt giảm lao động, tạm dừng hoặc thu hẹp sản xuất, thậm chí phá sản vì không thể lo nổi chi phí nhân công. Do vậy, rất cần sự hỗ trợ quan tâm của Chính phủ trong giai đoạn này. Trước thực tế đó, ngày 14/04/2022, VASEP và 7 Hiệp hội Ngành hàng đã gửi công văn đề nghị Thủ tướng xem xét và cân nhắc giải pháp hỗ trợ các DN, lùi thời điểm áp dụng tăng lương tối thiểu vùng, áp dụng từ 1/1/2023, nhằm tạo điều kiện cho các DN có thời gian chuẩn bị tốt nhất.

Góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm

Ngoài ra, ngày 11/5/2022, VASEP đã gửi công văn tới Bộ trưởng Bộ Y tế, đồng kính gửi Bộ trưởng các Bộ NN và PTNT, Bộ Công Thương, Bộ KH-CN... góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm cho phù hợp với các Nghị định của Chính phủ, thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam.... Qua đó, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện, không tạo ra các rào cản không đáng có cũng như góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, thủy sản của Việt Nam trên thị trường Việt Nam và quốc tế

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN NÔNG SẢN

Mỹ vượt Trung Quốc để trở thành thị trường XK nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam



Báo cáo mới nhất của Bộ NN&PTNT cho thấy, 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch XK nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Mỹ đạt gần 4,9 tỷ USD (chiếm 27,3% thị phần). Mỹ là thị trường XK nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Trong tổng số kim ngạch XK nông, lâm, thủy sản sang Mỹ, XK nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ chiếm tỷ trọng 68,2%. Bên cạnh đó, các mặt hàng nổi bật khác có thể kể tới là thủy sản, hạt điều, trái cây... Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, trong 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch XK gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ ước đạt 3,3 tỷ USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước. Chiếm 60,4% tổng kim ngạch XK gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, Mỹ tiếp tục là thị trường XK gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất trong 4 tháng đầu năm. Với quy mô dân số hơn 333 triệu người cùng sức mua lớn, lại đang trong giai đoạn phục hồi mạnh sau đại dịch, Mỹ là thị trường tiềm năng đối với các sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ.

“Đơn hàng đi Mỹ, EU của Công ty đã kín đến hết quý 3/2022, đang tiếp nhận đơn hàng cho quý 4/2022”, bà Dương Thị Minh Tuệ, Giám đốc kinh doanh, Công ty Cổ phần Gỗ Minh Dương chia sẻ từ góc độ DN. Đại diện Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) thông tin thêm: Từ năm 2020 đến nay, Việt Nam đã vượt Trung Quốc trở thành thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho Mỹ. Đồ gỗ chế biến là sản phẩm có thế mạnh của Việt Nam và rất phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng Mỹ. Ông Marc Evans Knapper, Đại sứ Mỹ tại Việt Nam nhận định, đồ gỗ nội thất và mặt hàng thủy sản Việt Nam đang rất được người tiêu dùng Mỹ ưa chuộng, tin tưởng. Riêng đối với nhóm hàng trái cây và các thực phẩm nông sản khác, hiện các DN XK của Việt Nam mới khai thác được thị trường người gốc Á. Trong khi đó, thị trường người Mỹ bản địa và người Mỹ gốc Latin vẫn chưa được các DN Việt Nam khai thác nhiều.

Theo ông Bùi Huy Sơn, Tham tán công sứ, thương mại (Thương vụ Việt Nam tại Mỹ), thương mại song phương Việt - Mỹ đang ở giai đoạn thuận lợi nhất từ trước tới nay, do Chính phủ hai nước đều tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi thương mại, đầu tư. Trong nhóm nông sản nói chung, đồ gỗ, thủy sản đạt kim

ngạch lớn, nhưng gạo, cà phê, rau quả thì vẫn còn khiêm tốn. DN đang có nhiều cơ hội và nên tận dụng để thúc đẩy XK hàng hóa. “Một số mặt hàng Việt Nam có thể mạnh và phía Mỹ có nhu cầu NK để đáp ứng tiêu dùng nội địa là: rau, củ, quả, cà phê, chè, hạt tiêu, cao su, hạt điều, thủy sản... Nếu đáp ứng được các rào cản kỹ thuật, XK sang Mỹ trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh”, ông Sơn nói.

Mỹ sắp mở cửa cho quả bưởi Việt Nam



Triển vọng thúc đẩy XK các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nói chung sang thị trường Mỹ trong thời gian tới còn khá rộng mở. Không chỉ với các mặt hàng truyền thống giao thương từ trước tới nay, Mỹ còn đang chuẩn bị mở cửa cho mặt hàng nông sản mới của Việt Nam là trái bưởi. Trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc tại Mỹ và Liên hợp quốc của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính từ ngày 11 - 17/5, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Minh Hoan mới đây đã có cuộc làm việc với Bộ Nông nghiệp Mỹ. Ông Lê Minh Hoan cho biết, hiện nay Mỹ là nước XK thịt gia cầm lớn nhất vào Việt Nam; XK thịt bò lớn thứ hai và XK thịt heo đứng thứ sáu trong số các nước XK thịt gia cầm, thịt bò và thịt heo vào Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam đã cho phép Mỹ XK vào Việt Nam 171 loại hạt giống cây trồng, 1 loại củ tươi là khoai tây, 6 loại quả tươi. "Hiện, Việt Nam đang phối hợp với Mỹ làm thủ tục mở cửa thị trường đối với nhiều loại hoa quả của Mỹ, đồng thời đề nghị phía Mỹ thúc đẩy tiến độ, sớm hoàn thành mở cửa thị trường để quả bưởi Việt Nam sớm có mặt tại Mỹ", ông Lê Minh Hoan nói.

Khẳng định Mỹ luôn coi Việt Nam là một trong những đối tác hàng đầu về nông nghiệp và nông nghiệp hai nước có tính hỗ trợ cho nhau để cùng phát triển, ông Jason Hafemeiser, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp Mỹ khẳng định: “Việc mở cửa cho quả bưởi của Việt Nam đang được thúc đẩy tích cực. Phía Mỹ đã có thông báo lấy ý kiến công chúng từ tháng 2/2022 và hiện đang tổng hợp các ý kiến để công bố trong thời gian sớm nhất”. Đánh giá nông sản Việt Nam đã và đang có nhiều dư địa XK sang Mỹ, song để bám sâu, bám chắc tại thị trường này, ông Bùi Huy Sơn cho rằng, DN Việt cần cam kết chất lượng, đảm bảo độ đồng đều, ổn định trong mỗi lô hàng XK. Điều này sẽ giúp các nhà bán lẻ muốn đặt hàng dài hạn. Chia sẻ kinh nghiệm thực tế, bà Amy Nguyễn, nhà sáng lập, CEO Công ty Dragonberry Produce (Mỹ) cũng lưu ý, các nhà XK Việt Nam cần xác định làm ăn lâu dài với nhà NK tại Mỹ để đầu tư bài bản, trúng đích. Người Mỹ thích sự khác biệt, đòi hỏi chất lượng cao, đồng nhất, ổn định. Đây là “sân chơi” cạnh tranh nhưng công bằng, có nhiều thị trường ngách cho DN nhỏ của Việt Nam có cơ hội kinh doanh với quy định rõ ràng.

Xuất khẩu rau quả 4 tháng đầu năm 2022 sụt giảm kim ngạch

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng rau quả tháng 4/2022 giảm 4% so với tháng 3/2022 và giảm 19% so với tháng 4/2021, đạt 327,05 triệu USD. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2022 kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước đạt 1,17 tỷ USD, giảm 14,4% so với 4 tháng đầu năm 2021. Rau quả của Việt Nam xuất khẩu tới 53,3% trong tổng kim ngạch sang thị trường Trung Quốc, đạt gần 625,82 triệu USD, giảm 27,8% so với cùng kỳ năm 2021; riêng tháng 4/2022 xuất khẩu sang thị trường này đạt 172,49 triệu USD, giảm 12,6% so với tháng 3/2022 và giảm 32,8% so với tháng 4/2021.

Đứng sau thị trường chủ đạo Trung Quốc là thị trường Mỹ đạt 87,05 triệu USD, chiếm 7,4%, tăng 51,7%. Xuất khẩu sang thị trường Đông Nam Á giảm 12,8% so với cùng kỳ, đạt 83,9 triệu USD; xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tăng 19,5%, đạt 60,22 triệu USD, chiếm 5%. Nhìn chung, rau quả xuất khẩu sang đa số thị trường trong 4 tháng đầu năm 2022 tăng kim ngạch so với cùng kỳ năm trước.

Nhiều nhà nhập khẩu quan tâm nguồn thanh long Việt Nam chất lượng cao



Nhu cầu tiêu thụ thanh long Việt Nam tại các thị trường nước ngoài đang tiếp tục tăng. Khá nhiều nhà nhập khẩu quan tâm phát triển nguồn cung thanh long chất lượng cao từ Việt Nam. Phát biểu tại “Phiên tư vấn xuất khẩu thanh long với thị trường Australia và New Zealand” do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức mới đây, bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Phó Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ xuất khẩu (Cục Xúc tiến thương mại) cho biết: thời gian qua, thanh long Việt Nam đã chiếm thị phần xuất khẩu đáng kể ở các khu vực thị trường như châu Á, châu Âu và Mỹ. Thanh long Việt Nam được nhiều người Âu, Mỹ gốc Á biết tới và tiêu thụ. Ngoài quả thanh long tươi, hiện Việt Nam cũng có thanh long sấy khô, sấy dẻo, nước ép si rô, snack thanh long, rượu vang thanh long, kem thanh long, chả cá thanh long, bánh mì thanh long... Một số sản phẩm thanh long chế biến đã được xuất khẩu.

Một số tỉnh trồng thanh long ở khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ đang chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 khiến hoạt động sản xuất, thu hoạch và tiêu thụ nhiều sản phẩm nông sản, trong đó có thanh long gặp khó. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ thanh long Việt Nam tại các thị trường nước ngoài vẫn tiếp tục tăng. “Thông qua hàng loạt các sự kiện giao thương trực tuyến trong lĩnh vực nông sản, thực phẩm do Cục Xúc tiến thương mại phối hợp với các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài và các cơ quan liên quan tổ chức thời gian qua cho thấy, khá nhiều nhà nhập khẩu nước ngoài quan tâm phát triển nguồn cung thanh long chất lượng cao từ Việt Nam”, đại diện Cục Xúc tiến thương mại nhấn mạnh. Theo Bộ Công Thương, thanh long hiện được trồng ở nhiều tỉnh thành, nhưng phát triển mạnh thành các vùng chuyên canh quy mô lớn

tập trung ở các tỉnh: Bình Thuận (29.000 ha), Long An (11.000 ha) và Tiền Giang (8.000 ha), chiếm 93,6% diện tích và 95,5 % sản lượng cả nước.

Bà Châu Thị Lệ, Phó Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Long An cho biết: tại Long An, sản lượng quả thanh long hàng năm đạt khoảng 350.000 tấn. Long An đã và đang thực hiện nhiều giải pháp xây dựng, phát triển vùng thanh long bền vững theo hướng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cung cấp theo đơn hàng quanh năm. Ngoài thanh long truyền thống vỏ đỏ ruột trắng, tỉnh Long An còn có sản phẩm chủ lực là thanh long ruột đỏ. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã phát triển nhiều giống thanh long tím hồng, thanh long vỏ màu vàng, ruột trắng đẹp mắt với thành phần dinh dưỡng cao nhằm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Đến nay, thanh long Châu Thành của Long An đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý. Nhãn hiệu thanh long Tâm Vu cũng được bảo hộ tại 5 quốc gia: Mỹ, Pháp, Nhật, Singapore và Trung Quốc.

Hiệp hội thanh long Long An có trên 100 thành viên là các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Long An, Tiền Giang, có năng lực kho, sơ chế có thể xuất khẩu với số lượng lớn. Đặc biệt, Long An có nhà máy xử lý trái cây bằng công nghệ hơi nước nóng (VHT) với công suất 12.000 tấn/năm và đủ điều kiện đóng gói xuất khẩu sang một số thị trường có yêu cầu cao về chất lượng. “Long An chủ yếu xuất khẩu thanh long quả tươi, đồng thời cũng có các mặt hàng khác như thanh long sấy khô, sấy dẻo, bột thanh long... Thời gian tới, Long An mong Trung tâm Hỗ trợ xuất khẩu tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tại địa phương phát triển mạnh mẽ hơn nữa thị trường xuất khẩu nông sản nói chung, thanh long nói riêng”, bà Lệ nhấn mạnh.

Phân tích sâu thị trường Australia, bà Nguyễn Thu Hương, đại diện Thương vụ Việt Nam tại Australia chia sẻ: thanh long tươi Việt Nam được nhập khẩu chính thức vào thị trường Australia từ năm 2017 với trị giá xuất khẩu gia tăng hàng năm. Năm 2020, xuất khẩu thanh long sang Australia tăng 36% so với năm 2019, đạt 4,2 triệu USD. Trong khi đó, năm 2021 xuất khẩu thanh long sang Australia tăng 14% so với năm 2020, đạt 4,8 triệu USD. Con số này cao hơn mức tăng trưởng chung của thanh long xuất khẩu đi tất cả các thị trường năm 2021 là 8,5%.

“Đáng chú ý, bên cạnh các cửa hàng của người Việt, thanh long Việt đã được bày bán ở hệ thống siêu thị bán lẻ lớn của Australia. Bất chấp ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thương mại Việt Nam-Australia vẫn tăng trưởng rất tốt, đóng góp vào đó có mặt hàng rau củ quả, trong đó có thanh long”, bà Hương đánh giá. Lưu ý các vấn đề khi xuất khẩu thanh long vào thị trường Australia, bà Nguyễn Thu Hương nêu rõ: sản phẩm phải được kiểm dịch và có giấy chứng nhận an toàn sinh học; phải được xử lý bằng phương pháp nhiệt hơi; phải đảm bảo không có côn trùng trong cả bao bì đóng gói. Vị này đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng trong liên kết chặt chẽ giữa nhà trồng thanh long, nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu.

Gia hạn điều tra chống lẩn tránh phòng vệ thương mại đường mía thêm 2 tháng

Mới đây, Bộ Công Thương thông báo gia hạn điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía thêm 2 tháng. Thời hạn kết thúc điều tra vụ việc là ngày 21/7. Trước đó, ngày 21/9/2021, Bộ Công Thương quyết định điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía. Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA) đường nhập lậu và đường nhập khẩu chính ngạch với ưu thế giá rẻ tiếp tục làm chủ thị trường, chèn ép đường nội địa.



Cụ thể, trong quý I đã có hiện tượng bất thường khi nhập khẩu đường từ các nước ASEAN tăng 209%, từ 187.251 tấn lên 391.468 tấn. Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA) nhận định đây hoàn toàn không phải từ năng lực cạnh tranh mà thực chất toàn bộ lượng đường nhập khẩu kể trên đều đang sử dụng hành lang ATIGA để được hưởng thuế suất ưu đãi 5%.

Cộng với đường gian lận thương mại qua biên giới Tây Nam và đường sản xuất trong nước vọt ép 2021-2022 trong khi sức cầu kém trong giai đoạn phục hồi sau dịch bệnh COVID-19 khiến cho thị trường tiếp tục hoàn cảnh thừa cung và đẩy giá đường thị trường xuống dưới mức giá thành. VSSA cho rằng nguồn cung dư thừa trong khi nhu cầu tiêu thụ đường chưa tăng nên sẽ không có hiện tượng thiếu hụt đường trong tháng 5 và các tháng kế tiếp. Ưu thế thị trường vẫn thuộc về các loại đường nhập khẩu và giá đường nội địa sẽ tiếp tục ở mức thấp hơn so với giá đường của các quốc gia trồng mía lân cận.

VSSA: Sẽ không có hiện tượng thiếu hụt đường trong tháng 5 và các tháng kế tiếp



Theo Hiệp hội mía đường Việt Nam (VSSA), trong tháng 4 đường nhập lậu và đường nhập khẩu từ các nước ASEAN chiếm lĩnh thị trường, lấn át đường mía về giá cả, khiến tiêu thụ đường trong nước bế tắc. Đại diện VSSA nhận định nguồn cung đường trong nước rất dồi dào bởi đường nhập khẩu và đường nhập lậu đang tràn vào thị trường Việt Nam như “tức nước vỡ bờ”, cộng với đường từ vụ ép 2021-2022. Nguồn cung dư thừa trong khi nhu cầu tiêu thụ đường chưa tăng nên sẽ không có hiện tượng thiếu hụt đường trong tháng 5 và các tháng kế tiếp. Ưu thế thị trường vẫn thuộc về các loại đường nhập khẩu và giá đường nội địa sẽ tiếp tục ở mức thấp hơn so với giá đường của các quốc gia trồng mía lân cận.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN THỦY SẢN**Tận dụng Hiệp định RCEP, xuất khẩu thủy sản sang Australia dự báo tăng mạnh**

Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương dẫn số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong tháng 4/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia đạt 35,5 triệu USD, tăng 60,3% so với tháng 4/2021. Như vậy, từ đầu năm 2022 đến nay, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia luôn tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này đạt 128,1 triệu USD, tăng 53,8% so với cùng kỳ năm 2021. Theo tính toán sơ bộ, tôm và cá các loại là các chủng loại thủy sản xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường Australia. Các tháng đầu năm 2022, cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Australia có thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu tôm trong tổng trị giá xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tăng, trong khi tỷ trọng xuất khẩu cá tra và cá chẽm giảm.

Theo đó, tôm là chủng loại thủy sản có tỷ trọng lớn nhất trong tổng trị giá xuất khẩu thủy sản sang thị trường Australia, tăng từ 66% trong các tháng đầu năm 2021, lên 73% trong cùng kỳ năm 2022; tỷ trọng cá tra giảm từ 13% xuống còn 11,6%; tỷ trọng cá chẽm giảm từ 6,8% xuống còn 5,8%... Cục Xuất nhập khẩu dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Australia sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới khi khả năng cạnh tranh của hàng thủy sản Việt Nam ngày càng tăng. Với các hiệp định thương mại tự do đa phương với Australia, đặc biệt là Hiệp định RCEP có hiệu lực kể từ đầu năm 2022, hàng thủy sản của Việt Nam có khả năng cạnh tranh tốt hơn nhờ lộ trình giảm thuế. Theo số liệu thống kê của Trung tâm thương mại Thế giới (ITC), Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất cho Australia trong 2 tháng đầu năm 2022 theo trị giá. Tuy nhiên, tỷ trọng thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của thị trường này mới chỉ chiếm 24,2% tính theo trị giá.

Tình hình cụ thể về xuất khẩu thủy sản 4 tháng đầu năm 2022**Xuất khẩu hải sản đạt trên 1,3 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm**

Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), tháng 4/2022, tổng xuất khẩu các sản phẩm hải sản khai thác của Việt Nam đạt gần 377 triệu USD, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2021. 4 tháng

đầu năm 2022, xuất khẩu các sản phẩm này đạt trên 1,3 tỷ USD, tăng 26% so với cùng kỳ năm ngoái. Hiện xuất khẩu hải sản chiếm 35% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của cả nước. Xuất khẩu hải sản của Việt Nam bao gồm các nhóm sản phẩm: cá các loại khác (trừ cá ngừ và cá tra, chiếm 46,2% tổng giá trị xuất khẩu hải sản của Việt Nam); cá ngừ (chiếm 28,4%); mực, bạch tuộc (16,4%); cua, ghẹ và giáp xác khác (5,3%); nhuyễn thể hai mảnh vỏ (3,6%) và còn lại là nhuyễn thể khác (trừ mực bạch tuộc và nhuyễn thể hai mảnh vỏ).

4 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu các mặt hàng hải sản khai thác đều tăng trừ xuất khẩu nhuyễn thể khác giảm. Xuất khẩu cá ngừ ghi nhận tốc độ tăng trưởng mạnh nhất 63% đạt gần 368 triệu USD. Xuất khẩu cua ghẹ, giáp xác khác và mực, bạch tuộc tăng lần lượt 59% và 30%. Xuất khẩu nhuyễn thể hai mảnh vỏ tăng 28%, xuất khẩu cá biển khác (trừ cá ngừ và cá tra) tăng nhẹ 7%. Duy nhất xuất khẩu nhuyễn thể khác giảm 49% tuy nhiên sản phẩm này chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Chế biến XK hải sản khai thác tập trung nhiều nhất tại các tỉnh như TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hoà, Bà Rịa - Vũng Tàu... Xuất khẩu hải sản của Việt Nam trong quý II năm nay dự kiến vẫn duy trì tăng trưởng dương tuy nhiên tốc độ tăng trưởng sẽ chững lại do thiếu hụt nguồn nguyên liệu, tác động của dịch bệnh Covid-19, thẻ vàng IUU, giá cước vận tải, giá xăng dầu, chi phí đầu vào sản xuất tăng... Kim ngạch XK hải sản cả năm nay dự báo đạt khoảng 3,2 -3,3 tỷ USD.

Xuất khẩu tôm bảo toàn đà tăng trong 4 tháng đầu năm nay

Thông tin từ VASEP cho hay, xuất khẩu tôm Việt Nam tháng 4/2022 đạt hơn 442 triệu USD, tăng 47% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 4 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu tôm đạt 1,4 tỷ USD, tăng 45% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu tôm 4 tháng đầu năm nay đạt kỷ lục so với cùng kỳ các năm trước đó. Top 5 thị trường NK tôm chính của Việt Nam gồm Mỹ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc ghi nhận tăng trưởng từ 15% - 91% trong 4 tháng đầu năm nay. XK tôm vẫn giữ ổn định tăng trưởng trong 4 tháng đầu năm nay nhờ nhu cầu thị trường cao và giá XK tốt. Nhu cầu tại các thị trường hồi phục sau giai đoạn căng thẳng nhất của dịch bệnh COVID-19, nguồn cung tại các thị trường không đủ đáp ứng, lạm phát giá gia tăng. Xung đột Nga và Ukraine góp phần làm xáo trộn nguồn cung thủy sản trong đó có tôm trên toàn cầu. Trong bối cảnh này, các doanh nghiệp XK tôm của Việt Nam đã lên kế hoạch sản xuất, tận dụng cơ hội từ thị trường.

Theo nhận được của một số DN, nhu cầu cũng như sự quan tâm của khách hàng quốc tế đối với tôm Việt Nam trong thời điểm hiện tại cũng tăng lên rõ rệt, thể hiện qua các hội chợ thủy sản quốc tế như Hội chợ Triển lãm Thủy sản Bắc Mỹ diễn ra vào tháng 3/2022 và Triển lãm Thủy sản Toàn cầu diễn ra vào cuối tháng 4/2022. Mỹ là thị trường đơn lẻ nhập khẩu nhiều tôm nhất của Việt Nam, chiếm tỷ trọng 16%. 4 tháng đầu năm, xuất khẩu tôm sang Mỹ đạt trên 291 triệu USD, tăng 47% so với cùng kỳ. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ tăng trưởng tốt trong cả 4 tháng đầu năm. Thị trường này cần nguồn thực phẩm cung ứng cho mùa hè và nguồn hàng dự trữ cho mùa thu.

Tôm là sản phẩm thủy sản được tiêu thụ nhiều nhất ở Mỹ nhờ dễ chế biến tại nhà và được ưa chuộng trong lĩnh vực dịch vụ thực phẩm. Mức tiêu thụ tôm trung bình của người Mỹ đạt khoảng 5 pao/người trong năm 2020. Tuy nhiên lạm phát tại Mỹ tăng cao, tồn kho nhiều sau khi nhập số lượng lớn những tháng đầu năm, có thể khiến nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 4 và 5 chững lại. Trong tháng 3/2022, Mỹ nhập khẩu 76.626 tấn tôm, trị giá trên 729 triệu USD, tăng 22% về khối lượng và tăng 39% về giá trị so với tháng 3/2021. Giá trung bình NK tôm vào Mỹ trong tháng 3/2022 đạt 9,52 USD/kg, tăng so với 8,36 USD/kg của tháng 3/2021.

Trung Quốc là thị trường NK tôm lớn thứ 4 của Việt Nam. Tháng 4, xuất khẩu tôm sang Trung Quốc tăng mạnh 128% đạt 81 triệu USD. Lũy kế 4 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu tôm sang thị trường này đạt hơn 187 triệu USD, tăng 91% so với cùng kỳ. COVID bùng phát mạnh tại Trung Quốc và chính sách “zero COVID” khiến cho xuất khẩu tôm sang thị trường này gặp nhiều ách tắc. Tuy nhiên, vì nhiều nhà máy tại Trung Quốc bị đóng cửa, sản xuất bị đình trệ, nên thị trường này cũng thiếu hụt nguồn cung tôm cho tiêu thụ nội địa và chế biến xuất khẩu.

Do vậy, XK tôm Việt Nam sang thị trường này ghi nhận tăng trưởng bất chấp những thách thức trên. Dự kiến, XK tôm sang Trung Quốc các tháng tiếp theo vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh. Tuy kết quả xuất khẩu đạt khá, nhưng thời tiết bất thường làm ảnh hưởng tới nguồn cung tôm nguyên liệu, chi phí đầu vào như xăng dầu, vật tư sản xuất, tôm giống liên tục tăng, làm bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp. Quý II năm nay, kim ngạch xuất khẩu tôm dự báo tiếp tục tăng khoảng 12% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 1,2 tỷ USD.

Nhiều doanh nghiệp cá tra đang nhắm mục tiêu sang Mexico, Ai Cập và Thái Lan

VASEP cũng cho biết, nhờ thị trường tiêu thụ tốt nên tổng giá trị xuất khẩu cá tra trong 4 tháng đầu năm nay đã tăng gần 97% so với cùng kỳ năm trước, đạt trên 963 triệu USD. Kết quả này đang tiếp thêm



sức mạnh cho nhiều doanh nghiệp cá tra Việt Nam trên chặng đường xuất khẩu sắp tới. 4 tháng đầu năm nay, XK cá tra sang các thị trường lớn đều tốt và ổn định. Trung Quốc - Hồng Kông vẫn là thị trường thu hút nhất DN XK cá tra với giá trị đạt hơn 300 triệu USD, tăng 156% so với cùng kỳ năm ngoái. Mỹ là thị trường lớn thứ 2, giá trị XK cũng tăng 136% tương đương 241 triệu USD. XK cá tra sang thị trường EU cũng tăng hơn 84% với giá trị đạt 65 triệu USD.

Tại Triển lãm Thủy sản toàn cầu tại Tây Ban Nha vào cuối tháng 4 vừa qua, nhiều DN cá tra Việt Nam đã giới thiệu cho khách một số sản phẩm giá trị gia tăng và tranh thủ tìm kiếm, kí thêm nhiều đơn hàng mới. Dự báo, trong quý 2 này, XK cá tra sang các thị trường truyền thống lớn tiếp tục khả quan. Ngoài những thị trường kể trên, chúng ta thấy 4 tháng đầu năm nay, các DN XK cá tra Việt Nam rất năng động phát triển sang các thị trường tiềm năng. Trong đó đáng chú ý là 3 thị trường: Mexico, Ai Cập và Thái Lan. Sau hơn 3 năm bị ảnh hưởng bởi Covid-19, hoạt động XK cá tra sang 3 thị trường này nhộn nhịp hơn bao giờ hết. Số DN tham gia XK cũng đông đảo hơn. Hiện nay, Mexico là thị trường có giá trị XK lớn nhất trong khối thị trường CPTPP. 4 tháng đầu năm, tổng giá trị XK cá tra sang Mexico đạt trên 40 triệu đô la Mỹ - tăng 69%; sang Thái Lan đạt trên 38 triệu đô la Mỹ - tăng 80%; sang Ai Cập đạt 14 triệu đô la Mỹ - tăng 85% so với cùng kỳ năm trước.

Thái Lan vẫn là bạn hàng mới của cá tra Việt Nam trong những năm gần đây. Cũng giống như Trung Quốc, yếu tố về khoảng cách địa lý, nhu cầu NK cá tra tăng trưởng đã thu hút nhiều DN cá tra Việt Nam. Cho tới nay, có tới gần 60 doanh nghiệp tham gia XK tích cực sang Thái Lan. Ngoài ra, Malaysia cũng đang là thị trường mục tiêu của nhiều DN XK cá tra Việt Nam trong năm nay. Mới đây, Cơ quan Thanh tra và An toàn Thực phẩm Mỹ đã công nhận thêm 6 nhà máy chế biến cá tra được phép chế biến, XK cá tra đông lạnh sang thị trường Mỹ. Cơ quan Kiểm dịch động thực vật Liên bang Nga cũng bổ sung thêm 2 doanh nghiệp vào danh sách được phép XK vào Liên minh kinh tế Á - Âu. Cuộc xung đột Nga - Ukraine vẫn chưa tới hồi kết, sau sự ngưng trệ của hoạt động giao thương thì nay XK cá tra sang hai thị trường này đã kết nối trở lại. Những diễn biến mới này có thể thúc đẩy XK cá tra tăng trưởng khả quan hơn nữa trong thời gian tới. Cho tới thời điểm này, giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL vẫn duy trì ở mức cao, dao động từ 31.000 - 32.500 đồng/kg. Tương tự, giá thức ăn chăn nuôi cũng tăng từ 10-20% so với trước. Thị trường tiêu thụ tốt nhưng cá nguyên liệu cho chế biến vẫn đang thiếu hụt, đặc biệt nguồn cá đủ tiêu chuẩn xuất đi Mỹ và EU. Dự báo, sự mất cân đối nguồn cung này sẽ còn tiếp tục cho tới hết quý 3.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN CHĂN NUÔI

Ngành chăn nuôi heo: Biến động, chuyển dịch và thách thức

Chăn nuôi heo chiếm trên 60% giá trị ngành chăn nuôi Việt Nam. “Bão giá heo” năm 2017, dịch tả heo châu Phi (2019) và đại dịch Covid-19 vừa qua là cuộc thanh lọc khốc liệt của thị trường. Bởi vậy, việc nhận thức đúng hiện trạng, những thách thức là điều cần thiết để tăng sức cạnh tranh cho ngành.

Biến động mạnh về tổng đàn và giá cả

Trong thời gian qua, tăng trưởng đàn heo của nước ta có sự biến động mạnh về tổng đàn và sản lượng. Theo số liệu từ Cục Chăn nuôi, tổng đàn heo đạt cao nhất vào năm 2016 (29,1 triệu con); do có khủng hoảng thừa, còn 27,4 triệu con (năm 2017), tăng trở lại vào năm 2018 (28,1 triệu con). Do dịch tả heo châu Phi, tổng đàn giảm sâu kỷ lục vào năm 2019, chỉ còn 19,6 triệu con và hồi phục nhẹ năm 2020 (22,0 triệu con). Năm 2021, tổng đàn heo cả nước đạt 28 triệu con. Đàn heo giống và tổng đàn nái cũng có sự biến động và hiện nay ổn định khoảng 3,1 triệu con nái; đàn nái giống cụ kỹ, ông bà dao động từ 100-135 ngàn con. Sản lượng heo hơi xuất chuồng giảm mạnh năm 2019, 2020, xuống còn 3,4-3,5 triệu tấn, hiện nay đã tăng lên 3,8-3,9 triệu tấn.

Cơ cấu đàn heo giai đoạn 2015-2021

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tăng BQ giai đoạn (%)
Tổng đàn	1.000 con	27.750	29.075	27.406	28.151	19.615	22.028	28.159	0,2
Tăng/giảm	%	3,7	4,8	-5,7	2,7	-30,3	12,3	27,3	-
Đàn nái	1.000 con	4.058	4.235	3.989	3.974	2.499	3.026	3.167	-3,5
Tăng/giảm	%	3,7	4,4	-5,8	-0,4	-37,1	21,1	4,7	-
Trong đó: Nái cụ kỹ, ông bà	1.000 con	110	120	120	120	109	121	135	2,9
Tăng/giảm	%	-	9,1	0	0	-9,2	11,0	11,6	-
Số heo thịt XC	1.000 con	50.960	51.115	49.032	49.743	42.193	44.146	50.901	0,3
Tăng/giảm	%	7,9	0,3	-4,1	1,4	-15,2	4,6	15,3	-
Lượng thịt hơi XC	1.000 con	3.491	3.664	3.733	3.816	3.329	3.550	3.930	2,8
Tăng/giảm	%	4,2	4,9	1,9	2,2	-12,8	6,6	10,7	-

Năm 2021, sản lượng thịt heo đạt 4,18 triệu tấn, chiếm 62,5% trong tổng sản lượng thịt hơi 6,69 triệu tấn. Do Dịch tả heo Châu Phi dẫn đến nguồn cung thịt trong năm 2020 và đầu năm 2021 sụt giảm mạnh, nhập khẩu thịt heo của Việt Nam đã tăng cao trong giai đoạn này. Nước ta đã nhập 447,6 ngàn con heo sống để giết thịt, tương đương 44,8 ngàn tấn thịt. Tổng số lượng thịt heo và phụ phẩm nhập khẩu khoảng 148 ngàn tấn (tương đương 4,3% tổng sản lượng thịt heo hơi sản xuất năm 2020). Năm 2021, Việt Nam nhập khẩu 346.000 con heo sống và nhập khẩu 143.463 tấn thịt heo từ Nga, Brazil, Mỹ, Đức, Ba Lan; tính riêng năm 2021, Việt Nam xuất khẩu khoảng 5.000 tấn heo sữa và heo choai sang thị trường Hồng Kông, Trung Quốc và Malaysia... Về giá thịt heo hơi của nước ta cũng biến động mạnh, đã tác động đến nhu cầu tiêu thụ heo giống.

Từng bước chuyển dịch cơ cấu, hiện đại hóa

Ngành chăn nuôi heo đang chuyển dịch từ chăn nuôi quy mô nhỏ sang chăn nuôi hộ có quy mô lớn hơn, tăng phát triển các mô hình trang trại, tập trung và hình thành các chuỗi giá trị chăn nuôi. Năm 2011,

cả nước có khoảng trên 4,13 triệu cơ sở chăn nuôi heo; đến năm 2016, giảm xuống còn 3,4 triệu; sau đợt khủng hoảng năm 2017 về giá thịt heo, chỉ còn 2,5 triệu cơ sở. Năm 2020, cả nước chỉ còn khoảng 2 triệu cơ sở chăn nuôi heo.

Năm 2021, theo tổng hợp báo cáo của các địa phương, cả nước có 20.843 cơ sở chăn nuôi heo từ 10 con trở lên với tổng đầu con 11,7 triệu con, chiếm tỷ lệ 41,6% so với tổng đàn heo của cả nước. Trong đó bao gồm: 1. Cơ sở trang trại chăn nuôi quy mô lớn: có 1.627 cơ sở từ 1.500 con trở lên, tổng số là 6,8 triệu con heo, chiếm 24,2% tổng đàn của cả nước; 2. Cơ sở chăn nuôi quy mô vừa: có 10.687 cơ sở chăn nuôi từ 100 con trở lên với tổng số đàn heo là 3,2 triệu con, chiếm tỷ lệ 11,4 % tổng đàn của heo cả nước; 3. Cơ sở chăn nuôi heo quy mô nhỏ: có 8.529 cơ sở chăn nuôi heo từ 10 con đến 99 con trở lên với tổng số đầu heo là 1,7 triệu con chiếm tỷ lệ 6,1 % tổng đàn heo của cả nước.

Năm 2021, tổng đàn heo thuộc 16 doanh nghiệp và đơn vị chăn nuôi heo quy mô lớn, đạt 5,8 triệu con, chiếm 20,7% tổng đàn. Các doanh nghiệp chăn nuôi lớn trong nước (như Dabaco, Masan, Tân Long, Thiên Thuận Tường, Mavin, GREENFEED, Trường Hải, Hòa Phát...) và nước ngoài (C.P, Japfa comfeed, Newhope, CJ, Emivest, Cargill...) đang xây dựng và từng bước hình thành hệ thống trang trại liên kết chuỗi. Đây chính là bước chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi để từng bước hiện đại hóa ngành chăn nuôi. Cùng với đó, các doanh nghiệp tích cực xây dựng thương hiệu thịt heo và hệ thống bán lẻ của mình để tối ưu hóa chuỗi giá trị.

7 thách thức với ngành heo

+ Dịch Covid trên người và Dịch tả Châu Phi trên heo

Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp cả trong nước và trên thế giới gây nhiều tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế, xã hội, làm đứt gãy các chuỗi cung ứng và gây ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất và hoạt động xuất, nhập khẩu, cung ứng nông sản. Ngành chăn nuôi cũng gánh chịu nhiều thiệt hại do chi phí sản xuất, vận chuyển, cung ứng thực phẩm tăng cao, lợi nhuận người chăn nuôi giảm mạnh. Bên cạnh đó Dịch tả heo Châu Phi (ASF) vẫn bùng phát tại nhiều địa phương (Theo Cục Thú y, năm 2021 ASF bùng phát gần 700 ổ dịch tại 42 tỉnh thành phố, gây chết và tiêu hủy gần 120.000 con heo). ASF đã gây sụt giảm mạnh tổng đàn dẫn đến thiếu hụt thực phẩm buộc nước ta phải nhập khẩu thịt heo, thậm chí cả heo sống về giết mổ làm thực phẩm.

+ Chi phí đầu vào sản xuất tăng cao

Việc tăng giá kỷ lục giá nguyên liệu TACN của thị trường quốc tế do tăng giá năng lượng mà chủ yếu là do hậu quả của xung đột giữa Nga – Ukraine đã gây khó khăn và thách thức lớn cho ngành chăn nuôi nói chung và chăn nuôi heo nói riêng. Chi phí thức ăn chăn nuôi chiếm 65-70% giá thành sản xuất trong chăn nuôi. Với giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tăng cao từ năm 2021 đến nay, giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm đã tăng 18-22% (mặc dù giá heo giống đã hạ xuống khá hợp lý: từ 2,6 triệu giảm xuống 1,2 triệu/con) nhưng việc tăng chi phí thức ăn chăn nuôi đã làm cho lợi nhuận người chăn nuôi heo giảm mạnh, thậm chí có những hộ và trang trại chăn nuôi bị thua lỗ.

+ Tổ chức sản xuất chăn nuôi gắn với thị trường còn bất cập

Tổ chức sản xuất chăn nuôi heo theo chuỗi ở nước ta còn yếu, thiếu bền vững, vẫn còn bị động trong việc tìm đầu ra cho sản phẩm, hiệu lực các cam kết trong hợp tác chăn nuôi (theo liên kết dọc và liên kết ngang) không cao và kém hiệu lực; các mô hình tổ chức sản xuất chăn nuôi theo chuỗi giá trị còn ít. Quy mô chăn nuôi nhỏ còn chiếm tỷ trọng cao, việc áp dụng quy trình sản xuất chuyên nghiệp, hiện đại còn hạn chế. Việc ứng phó với thông tin thị trường chưa tốt của người chăn nuôi là hạn chế lớn, gây nên nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất cũng như dự báo thị trường, hầu hết người chăn nuôi còn bị động và phụ thuộc vào thương lái, người tiêu thụ trung gian.

+ Năng suất sản xuất chăn nuôi heo còn hạn chế

Năng suất sinh sản của đàn nái vẫn còn khá thấp so với khu vực và thế giới, chất lượng giống và sản phẩm chăn nuôi không đồng đều. Hiện nay, năng suất, chất lượng đàn giống heo vẫn chưa đạt yêu cầu, năng suất chăn nuôi heo nái của nước ta vẫn còn khá thấp (18-20 con cai sữa/nái/năm); năng suất chăn nuôi heo trong trang trại đã được cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế so với các nước có nền chăn nuôi heo phát triển (năng suất heo nái đạt 21-25 con cai sữa/nái/năm, trong khi đó, năng suất sinh sản heo của Đan Mạch là 36-38 con cai sữa/nái/năm, một số nước như Mỹ, Trung Quốc, Thái Lan chỉ tiêu này là 24-28 con cai sữa/nái/năm).

+ An toàn sinh học yếu, phòng chống dịch bệnh khó khăn

Chăn nuôi an toàn sinh học trong các cơ sở chăn nuôi heo vẫn chưa đảm bảo dẫn đến dịch bệnh xảy ra phức tạp, đặc biệt là tại các trang trại quy mô nhỏ và nông hộ. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi nhỏ quy mô nông hộ còn chiếm tỷ trọng cao (trên 78%), bố trí chuồng trại trong khu dân cư, sát với nhà ở, mức độ an toàn sinh học rất hạn chế. Do vậy, dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên heo vẫn xảy ra khá thường xuyên và đe dọa sự bền vững của ngành chăn nuôi heo. Nếu không cải thiện về chăn nuôi an toàn sinh học, không nâng cao trình độ về kiểm soát dịch bệnh, tổng đàn heo sẽ biến động mạnh dẫn đến mất cân đối cung cầu và gây ra khủng hoảng thiếu hoặc khủng hoảng thừa trong tương lai.

+ Chưa phát triển được các thương hiệu heo bản địa, đặc hữu

Đến nay, chăn nuôi heo nước ta đã hình thành và phát triển lâu đời. Theo thống kê hiện nước ta có 24 giống heo bản địa với nhiều đặc tính sinh học quý và về chất lượng thịt thơm ngon. Các giống heo bản địa được phân bố khắp các vùng sinh thái cả nước. Tuy vậy, số lượng heo bản địa ngày càng suy giảm, nguồn gen quý ngày càng mai một. Rõ ràng, việc phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp tích hợp đa giá trị (âm thực, văn hóa, du lịch, sinh thái và kinh tế) trong chăn nuôi heo chưa được khai thác.

+ Mức độ cạnh tranh thực phẩm tăng, sức tiêu dùng thịt giảm

Việt Nam đã ký kết 17 hiệp định thương mại tự do, trong đó, có các hiệp định thương mại thế hệ mới như CPTTP, EVFTA; ngoài ra, nước ta cũng ký kết các hiệp định song phương với nhiều nước có nền chăn nuôi tiên tiến. Do vậy, việc sản phẩm chăn nuôi nói chung và sản phẩm thịt heo nói riêng của nước ta sẽ gặp khó khăn hơn khi ta buộc phải mở cửa cho thực phẩm nhập khẩu từ Mỹ, Brazil, Nga, Ấn Độ và Đức, sản phẩm nhập khẩu sẽ cạnh tranh mạnh với sản phẩm trong nước (Năm 2021, Việt Nam đã nhập khẩu 143.463 tấn thịt heo làm thực phẩm). Bên cạnh đó, sức tiêu dùng thịt heo cũng suy giảm thời gian qua do đóng cửa trường học, khu công nghiệp, dừng các hoạt động du lịch, văn hóa và lễ hội, cộng với thu nhập người dân giảm sút do dịch bệnh.

Việt Nam sẽ vươn lên vị trí thứ hai ở châu Á về tiêu thụ thịt heo



Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo Việt Nam sẽ vươn lên vị trí thứ hai về tiêu thụ thịt heo ở châu Á trong năm 2022, sau Trung Quốc. Tiêu thụ thịt heo tại Việt Nam năm 2022 được dự báo sẽ đạt 3,4 triệu tấn, với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 3,1% trong giai đoạn 2022 - 2030. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho biết, việc mở cửa trở lại các nhà hàng, trường học và nhà máy đã thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thịt tăng lên. Giá heo hơi tăng nhẹ tại một số khu vực. Hiện giá heo hơi bình quân trên cả nước dao động trong khoảng 53.000-58.000 đ/kg (2,3 - 2,5 USD), tăng 1.000-3.000 đ/kg (0,04 - 0,13 USD) so với cuối tháng 3/2022.

Giá heo hơi nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng khi chi phí chăn nuôi và giá xăng dầu cao, nhưng khó có khả năng tăng đột biến do các trường học bước vào kỳ nghỉ hè và dịch vụ ăn uống vẫn chưa phục hồi như trước đại dịch. Sản lượng thịt gia súc, gia cầm có khả năng đạt khoảng 1,6 triệu tấn trong quý II/2022, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Việt Nam, sản lượng thịt bò 4 tháng đầu năm 2022 đạt khoảng 110.000 tấn (tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2021), sản lượng thịt heo đạt khoảng 1,05 triệu tấn (tăng 4,7%) và sản lượng gia cầm đạt khoảng 476.000 tấn (tăng 5,7%). Trong 4 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam đạt 980 triệu USD, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2021.



Việt Nam dự kiến sẽ giảm nhập khẩu thịt heo trong năm 2022

Theo dự báo của USDA, trong năm 2022 EU sẽ vẫn là thị trường xuất khẩu thịt heo chủ yếu của thế giới, với lượng xuất khẩu ra ngoài khối EU đạt 4,8 triệu tấn, chiếm 40,7% trong tổng khối lượng thịt heo của toàn thế giới. Mỹ sẽ đứng vị trí thứ hai, chiếm 25,6%, mặc dù dự kiến sẽ giảm 6,2% so với năm 2021. Canada đứng vị trí thứ ba, chiếm 12,5% thị phần với 1,5 triệu tấn. Về sản lượng, Trung Quốc sẽ duy trì vị trí dẫn đầu, chiếm 46,2% trong tổng sản lượng heo thịt toàn cầu (tổng sản lượng đạt 110,5 triệu tấn) và Trung Quốc dự kiến đạt 51 triệu tấn, tăng 7,4% so với năm 2021. Tiếp theo là Liên minh châu Âu, dự kiến chiếm 20,9% trong tổng sản lượng và sẽ đạt 23,2 triệu tấn, giảm 2,4% so với năm 2021, Mỹ sẽ chiếm vị trí thứ ba, với 11,1% thị phần, sản lượng đạt 12,3 triệu tấn, giảm 2,2%.

Về nhập khẩu thịt heo năm 2022, Trung Quốc dự kiến sẽ đứng đầu, chiếm 31,9% trong tổng lượng thịt heo nhập khẩu của thế giới (tổng là 11 triệu tấn), trong đó Trung Quốc sẽ nhập khẩu 3,5 triệu tấn, giảm 19,2% so với năm 2021. Vị trí thứ hai dự kiến sẽ là Nhật Bản chiếm 13,2% và Mexico sẽ đứng ở vị trí thứ ba chiếm 10,9%. Đáng chú ý, Philippines và Việt Nam dự kiến sẽ giảm nhập khẩu thịt heo trong năm 2022, lần lượt là 18,1% và 10%.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN LÚA GẠO

Tổng quan thị trường lúa gạo đến ngày 20/5: Giá lúa gạo ổn định đến nhích nhẹ

Giá lúa gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long duy trì ổn định. Cụ thể, tại An Giang lúa tươi OM 18 đang được thương lái mua tại ruộng với mức giá 5.800 – 5.900 đồng/kg; IR 504 5.400 – 5.600 đồng/kg; Đài thom 8 5.700 – 5.850 đồng/kg; nàng hoa 5.900 đồng/kg; lúa OM 5451 5.600 – 5.700 đồng/kg; IR 504 (khô) 6.500 đồng/kg; nếp Long An khô 7.600 – 7.800 đồng/kg; nếp An Giang 7.700 – 7.800 đồng/kg. Với mặt hàng gạo, giá gạo nguyên liệu duy trì ổn định, trong khi giá gạo thành phẩm tăng trở lại. Cụ thể, giá gạo NL IR504 8.300 – 8.400 đồng/kg; gạo TP IR 504 tăng nhẹ 50 đồng/kg lên mức 8.850 – 8.900 đồng/kg. Giá phụ phẩm biến động trái chiều. Hiện giá tấm IR 504 8.550 – 8.650 đồng/kg, tăng 50 đồng/kg; trong khi đó giá cám khô giảm 100 đồng/kg xuống còn 8.700 – 8.800 đồng/kg.



Về thị trường chào bán gạo xuất khẩu, hiện giá chào bán gạo xuất khẩu của Việt Nam tăng nhẹ 2 – 5 USD/tấn. Cụ thể, giá gạo 100% tấm ở mức 370 USD/tấn, tăng 2 USD/tấn; gạo 5% tấm 420 USD/tấn, tăng 2 USD/tấn; gạo 25% tấm 400 USD/tấn, tăng 2 USD/tấn; gạo Jasmine 523 – 527 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn.

Thị trường xuất khẩu gạo 4 tháng đầu năm 2022

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2022 cả nước xuất khẩu 555.769 tấn gạo, tương đương 275,95 triệu USD, giá trung bình 496,5 USD/tấn, tăng 5% cả về lượng và kim ngạch; giá cũng tăng nhẹ 0,3% so với tháng 3/2022; nhưng giảm cả về lượng, kim ngạch và giá so với tháng 4/2021, với mức giảm tương ứng 28,9%, 35% và 8,5%. Trong tháng 4/2022 xuất khẩu gạo sang thị trường chủ đạo Philippines tăng mạnh trở lại 79% cả về lượng và kim ngạch so với tháng 3/2022, đạt 243.398 tấn, tương đương 111,09 triệu USD; nhưng giảm 20% về lượng, giảm 31,3% kim ngạch so với tháng 4/2021. Xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc tháng 4/2022 tiếp tục tăng 23% về lượng và tăng 28,7% kim ngạch so với tháng 3/2022, đạt 118.491 tấn, tương đương 64,4 triệu USD; so với tháng 4/2021 cũng tăng 5,2% về lượng, tăng 11% kim ngạch.

Tính chung cả 4 tháng đầu năm 2022 lượng gạo xuất khẩu của cả nước đạt gần 2,06 triệu tấn, tương đương gần 1,01 tỷ USD, tăng 4,4% về khối lượng, nhưng giảm 6% về kim ngạch so với 4 tháng đầu năm 2021, giá trung bình đạt 489 USD/tấn, giảm 10%. Philippines vẫn đứng đầu về tiêu thụ gạo của Việt Nam, chiếm 44,4% trong tổng lượng và chiếm 41,3% trong tổng kim ngạch gạo xuất khẩu của cả nước, đạt 915.534 tấn, tương đương 422,16 triệu USD, giá trung bình 461 USD/tấn, tăng 27,9% về lượng, tăng 10,7% về kim ngạch nhưng giảm 13,5% về giá so với 4 tháng đầu năm 2021.

Tiếp sau đó là thị trường Trung Quốc chiếm trên 14,4% trong tổng lượng và chiếm 15,4% trong tổng kim ngạch, đạt 296.941 tấn, tương đương 155,39 triệu USD, giá trung bình 523,3 USD/tấn, giảm 20% cả về lượng và kim ngạch; giá giảm nhẹ 0,5% so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường Bồ Đào Nha đứng thứ 3 đạt 212.604 tấn, tương đương 90,81 triệu USD, giá 427 USD/tấn, tăng mạnh 65% về lượng và tăng 40,4% kim ngạch nhưng giảm 14,9% về giá so với cùng kỳ; chiếm 10,3% trong tổng lượng và chiếm 9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu sang các thị trường FTA RCEP đạt 1,38 triệu tấn, tương đương 661,64 triệu USD, tăng 10% về lượng nhưng giảm 1,2% kim ngạch. Xuất khẩu sang các thị

trường FTA CPTTP đạt 157.509 tấn, tương đương 78,51 triệu USD, giảm 3,3% về lượng và giảm 12,5% kim ngạch.

Phát triển lúa gạo theo hướng hiệu quả bền vững

Theo Tổng cục Thống kê, trong bối cảnh nông nghiệp đang được đẩy mạnh, cơ cấu lại ngành lúa gạo theo hướng nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững là hướng đi cần thiết. Với mục tiêu: Đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; nâng cao chất lượng, giá trị dinh dưỡng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; hình thành và nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị lúa gạo; nâng cao thu nhập của nông dân và lợi ích cho người tiêu dùng; xuất khẩu gạo đạt chất lượng và giá trị cao. Từ thế độc canh cây lúa chuyển sang đa dạng hóa các loại cây trồng, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Năm 2000, diện tích gieo cấy lúa chiếm tỷ trọng cao với 66,4% tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng, năm 2010 giảm xuống còn 53,3%, giảm 13,1 điểm phần trăm so với năm 2000, năm 2020 tiếp tục giảm xuống còn 50,3%, giảm 16,1 điểm phần trăm. Diện tích cấy lúa giảm nhưng thay vào đó là sử dụng giống lúa xác nhận kèm quy trình canh tác đa dạng, thích nghi với điều kiện thời tiết nên cho năng suất cao ổn định, đáp ứng yêu cầu thị trường. Tăng tỷ trọng các loại gạo có chất lượng cao, có giá trị xuất khẩu lớn. Năm 2020, gạo trắng thường xuất khẩu chỉ còn khoảng 40% tổng kim ngạch; các loại gạo thơm, chất lượng cao chiếm khoảng 40% kim ngạch xuất khẩu. Việc tái cơ cấu cũng đã thúc đẩy việc lai tạo và chọn giống, lần đầu tiên Việt Nam có giống gạo thơm đạt danh hiệu gạo ngon nhất thế giới là gạo ST25.

Diện tích lúa năm 2020 ước tính đạt 7,28 triệu ha, giảm 192 nghìn ha so với năm trước do chuyển đổi cơ cấu sản xuất và mục đích sử dụng đất; năng suất lúa ước tính đạt 58,7 tạ/ha, tăng 0,5 tạ/ha, do diện tích gieo trồng giảm nên sản lượng lúa ước tính đạt 42,69 triệu tấn, giảm 806,6 nghìn tấn. Như vậy, sản lượng lúa năm 2020 tuy giảm so với năm 2019 chủ yếu do giảm diện tích gieo trồng bởi tác động của hạn hán, xâm nhập mặn và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi mùa vụ nhưng đánh dấu một năm sản xuất lúa thắng lợi với năng suất cao hơn năm trước ở tất cả các mùa vụ. Sản lượng lúa giảm nhưng đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước, chế biến và xuất khẩu. Sản xuất lúa tiếp tục xu hướng tăng tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao lên trên 74% (cao hơn so với mức 50% của năm 2015) nhằm nâng cao giá trị “Thương hiệu gạo Việt”. Tỷ trọng gạo chất lượng cao chiếm trên 85% gạo xuất khẩu đã góp phần nâng giá gạo xuất khẩu bình quân từ 440 USD/tấn năm 2019 lên 496 USD/tấn năm 2020.

Sang năm 2021, diện tích lúa cả năm tuy đạt 7,24 triệu ha, giảm 38,3 nghìn ha so với năm trước do chuyển đổi cơ cấu sản xuất và mục đích sử dụng đất nhưng năng suất lúa ở mức cao đạt 60,6 tạ/ha, tăng 1,8 tạ/ha. Sản lượng lúa năm 2021 tăng 1,1 triệu tấn so với năm 2020, tiếp tục đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh lương thực, phục vụ chế biến và xuất khẩu. Xuất khẩu gạo năm 2021 đạt 6,2 triệu tấn tương đương 3,3 tỷ USD, tăng 5% so với năm 2020, trong đó tỷ trọng gạo chất lượng cao chiếm trên 89%, giá gạo xuất khẩu tăng từ 496 USD/tấn năm 2020 lên 503 USD/tấn năm 2021.

Có được những thành công trong sản xuất lúa gạo, bên cạnh sự chỉ đạo sát sao và ứng phó kịp thời trước những diễn biến phức tạp của thời tiết nhằm điều tiết mùa vụ hợp lý. Thời gian qua, ngành lúa gạo cũng đã có chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng thực hiện quy trình sản xuất lúa tiên tiến được ứng dụng hiệu quả ở nhiều địa phương. Theo đó, hiện nay hầu hết các hộ trồng lúa đã ứng dụng chương trình “một phải, năm giảm” - tức là: Phải sử dụng giống lúa có chứng nhận và thực hiện năm giảm: Giảm lượng giống gieo sạ, giảm phân bón, giảm nước tưới qua kỹ thuật ngập – khô xen kẽ, giảm số lần sử dụng thuốc trừ sâu, giảm thất thoát sau thu hoạch. Đây được xem là chiến lược chính để cải thiện tính bền vững của ngành sản xuất lúa gạo ở Việt Nam; Chương trình “ba giảm, ba tăng” – giảm lượng giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật và giảm phân bón nhưng vẫn tăng năng suất, tăng hiệu quả kinh tế và tăng chất lượng sản phẩm.

Cùng với đó, ngành Nông nghiệp luôn đôn đốc các địa phương huy động mọi nguồn lực về lao động, máy móc để làm đất, gieo trồng đảm bảo thời vụ; đẩy mạnh đầu tư, thâm canh cây trồng, kiểm tra, quản lý chặt chẽ nguồn nước từ các công trình thủy lợi, sử dụng nguồn nước tưới đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và có kế hoạch tích nước để phục vụ sản xuất. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cũng đang chỉ đạo các địa phương triển khai các đề án quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), đề án liên quan tới các biện pháp sinh học sử dụng trong sản xuất nông nghiệp để bảo đảm hướng tới nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Đây là những hướng đi đúng đắn giúp cho ngành sản xuất lúa gạo Việt Nam ngày càng phát triển đạt được những thắng lợi vừa qua.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

Tổng quan thị trường phân bón và dự báo

Trong tháng 4/2022, giá phân bón thế giới trong xu hướng giảm do nhu cầu yếu kết hợp với giá nguyên liệu dầu và khí giảm. Trong nước, thị trường phân bón cũng khá trầm lắng khi sức mua yếu khiến giá tiếp tục đi xuống. Dự báo giá phân bón trong thời gian tới có thể hạ nhiệt khi cung, cầu dần ổn định hơn.

- Thị trường thế giới

Trong tháng 4/2022, giá phân bón thế giới trong xu hướng giảm do nhu cầu yếu trong khi giá nguyên liệu dầu và khí giảm. Giá một số chủng loại phân bón như sau: Tại Brazil, giá Urea giảm 1,6% so với tháng trước, xuống còn 844,5 USD/tấn (CFR); tại Yuzhny giảm 1,6%, xuống còn 620,4 USD/tấn (FOB); tại Baltic giảm 1,7%, xuống còn 641,5 USD/tấn; tại Trung Quốc giảm 1,7%, xuống còn 460 USD/tấn. Tại Vịnh Mỹ, giá Urea giảm 1,8%, xuống còn 669 USD/tấn (CFR); tại Ai Cập giảm 1,5%, xuống còn 777,4 USD/tấn; tại Vịnh Ả Rập giảm 1,6%, xuống còn 754,1 USD/tấn; tại Iran giảm 1,7%, xuống còn 658,2 USD/tấn. Giá DAP tại Trung Quốc giảm 1,8%, xuống còn 685,1 USD/tấn; tại Tampa giảm 1,6%, xuống còn 675,8 USD/tấn; Vịnh Mỹ giảm 1,6%, xuống còn 681,5 USD/tấn; tại Baltic giảm 1,6%, xuống còn 675,5 USD/tấn. Giá Kali tại Vancouver là 544,3 USD/tấn; tại Israel là 524 USD/tấn; giá Kali Tây Âu là 566,9 USD/tấn; tại Đông Nam Á là 578 USD/tấn.

Các dữ liệu gần đây cho thấy giá phân bón thế giới đã tăng gần 30% kể từ đầu năm 2022, sau khi tăng 80% trong năm ngoái. Giá tăng cao được thúc đẩy bởi sự kết hợp của nhiều yếu tố, bao gồm chi phí đầu vào tăng cao, gián đoạn nguồn cung do các lệnh trừng phạt, cũng như các hạn chế xuất khẩu. Giá phân urê (urea) đã vượt đỉnh năm 2008, trong khi giá phân lân (phosphates) và kali (potash) đang nhích gần đến mức đỉnh của năm 2008. Mối lo ngại về khả năng chi trả cũng như sự sẵn có của nguồn cung phân bón cũng càng gia tăng do tác động từ cuộc xung đột ở Ukraine. Giá khí đốt tự nhiên tăng, nhất là ở châu Âu, dẫn đến việc cắt giảm sản lượng trên diện rộng đối với amoniac - một nguyên liệu đầu vào quan trọng cho các loại phân bón gốc nitơ. Tương tự, giá than - nguyên liệu chính để sản xuất amoniac, tăng vọt ở Trung Quốc, buộc các nhà máy sản xuất phân bón nước này phải cắt giảm sản lượng, góp phần làm tăng giá urê. Giá amoniac và lưu huỳnh cao hơn cũng làm tăng giá phân lân.

Các lệnh trừng phạt đối với Nga và Belarus – những nước xuất khẩu lượng lớn phân bón cho thế giới, và gián đoạn các tuyến đường thương mại ở Biển Đen cũng khiến nguồn cung bị đe dọa, đẩy giá phân bón tăng cao. Thêm vào đó, Trung Quốc đã tạm ngừng xuất khẩu phân bón cho đến ít nhất là tháng 6/2022 để đảm bảo nguồn cung trong nước, trong khi nhu cầu tiêu thụ phân bón trên toàn cầu vẫn rất mạnh trong suốt đại dịch COVID-19. Theo các nhà phân tích, giá phân urê dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao kỷ lục chừng nào giá khí đốt tự nhiên và giá than vẫn tăng. Tương tự, giá phân DAP được dự báo sẽ vẫn ở mức cao cho đến khi giá amoniac và lưu huỳnh giảm xuống. Ngoài chi phí đầu vào, rủi ro đối với triển vọng thị trường còn phụ thuộc vào việc xuất khẩu urê và DAP của Trung Quốc có tiếp tục trở lại sau tháng 6 hay không. Đối với kali, giá dự kiến sẽ vẫn ở mức cao lịch sử trong năm tới, trừ khi nguồn cung từ Nga và Belarus trở lại với thị trường quốc tế. Nhu cầu phân đạm trên thế giới đã đạt mức khá cao trong năm 2021 do giá nông sản cao thúc đẩy người nông dân tiếp tục bón phân nhiều hơn. Nhu cầu phân đạm trong năm 2022 có thể còn cao hơn, tuy nhiên thị trường sẽ phải đối mặt với những thách thức lớn về nguồn cung như hiện nay.

- Thị trường trong nước

Tình hình xuất khẩu:

Trong nửa đầu tháng 4/2022, lượng phân bón xuất khẩu đạt 107,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 64,4 triệu USD; Lũy kế từ đầu năm đến 15/4/2022 xuất khẩu phân bón đạt 581,3 nghìn tấn, kim ngạch đạt 371,3 triệu USD. Trước đó, theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu phân bón trong tháng 3/2022 đạt 121,6 nghìn tấn với kim ngạch 65,3 triệu USD, giảm 5% về lượng và giảm 8,4% về kim ngạch so với tháng trước. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu phân bón đạt 474,3 nghìn tấn, kim ngạch đạt 306,9 triệu USD, tăng 42,6% về lượng và tăng 199,4% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái.

Về thị trường, trong 3 tháng đầu năm 2022, Campuchia là thị trường tiêu thụ phân bón lớn nhất của Việt Nam khi lượng phân bón xuất khẩu sang thị trường này đạt 97,7 nghìn tấn, kim ngạch 48,7 triệu USD, giảm 0,6% về lượng nhưng tăng 56,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái. Tiếp đến là xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc đạt 30,4 nghìn tấn, kim ngạch đạt 22,9 triệu USD, tăng 184,2% về lượng và tăng 598,8% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước. Thứ ba là xuất khẩu sang thị trường Malaysia đạt 39 nghìn tấn, kim ngạch đạt 15,6 triệu USD, tăng 184,2% về lượng và tăng 598,8% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2021.

Tình hình nhập khẩu:

Nửa đầu tháng 4/2022, nhập khẩu phân bón các loại đạt 185,7 nghìn tấn, kim ngạch đạt 87,6 triệu USD; Lũy kế từ đầu năm đến 15/4/2022 nhập khẩu phân bón các loại đạt 1.113,3 triệu tấn, kim ngạch đạt 527,8 triệu USD, giảm 3,3% về lượng nhưng tăng 71% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu phân Kali đạt 31,3 nghìn tấn, kim ngạch đạt 20,3 triệu USD; Lũy kế từ đầu năm đến 15/4/2022 nhập khẩu phân bón các loại đạt 264,1 triệu tấn, kim ngạch đạt 160,5 triệu USD, giảm 13,3% về lượng nhưng tăng 115,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2021. Trước đó, nhập khẩu phân bón trong tháng 3/2022 đạt 336,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 156,5 triệu USD, tăng 24,6% về lượng và tăng 19,1% về kim ngạch so với tháng trước. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022 nhập khẩu phân bón đạt 928,5 nghìn tấn, kim ngạch đạt 441,3 triệu USD, giảm 6,7% về lượng nhưng tăng 65,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước.

Chủng loại phân bón nhập khẩu nửa đầu tháng 4/2022

Chủng loại	Nửa đầu tháng 4/2022		Lũy kế đến hết 15T4/2022		So với cùng kỳ năm 2021	
	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)
Phân bón các loại	185.729	87.664	1.113.340	527.875	-3,3	71,0
Phân Kali	31.331	20.329	264.157	160.499	-13,3	115,6
Phân SA	67.045	19.729	368.488	120.023	17,0	175,8
Phân DAP	7.625	6.414	83.972	66.921	-50,3	-8,8
Phân NPK	21.829	13.386	108.505	66.710	-25,6	20,6
Phân Urea	20.347	13.419	56.274	36.524	270,2	651,6

Về giá nhập khẩu: Nửa đầu tháng 4/2022, giá các chủng loại phân bón nhập khẩu biến động trái chiều so với cùng kỳ tháng trước. Cụ thể, giá Kali tăng 19% lên mức 648,8 USD/tấn; giá DAP tăng 13,9% lên mức 841,2 USD/tấn; giá Urea tăng 9,9% lên mức 659,5 USD/tấn; Trong khi, giá NPK giảm 4,3% xuống còn 613,2 USD/tấn; giá SA giảm 3,5% xuống còn 294,3 USD/tấn.

Giá một số chủng loại phân bón nhập khẩu nửa đầu T4/2022

Chủng loại	Đơn giá TB (USD/Tấn)	Đơn giá TB cùng kỳ tháng trước (USD/Tấn)	So với cùng kỳ tháng trước (%)
Phân Urea	659,5	599,9	9,9
Phân NPK	613,2	640,8	-4,3
Phân DAP	841,2	738,4	13,9
Phân SA	294,3	304,8	-3,5
Phân Kali	648,8	545,4	19,0

Về thị trường, trong 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu phân bón từ thị trường Trung Quốc, chiếm 38% tổng kim ngạch phân bón nhập khẩu, với 362,4 nghìn tấn, kim ngạch 145,4 triệu USD, giảm 22,5% về lượng nhưng tăng 17,8% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái. Thứ hai là nhập khẩu từ thị trường Nga đạt 110,4 nghìn tấn, kim ngạch 68 triệu USD, tăng 75,3% về lượng và tăng 220,7% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2021. Thứ ba là nhập khẩu từ thị trường Israel đạt 42,2 nghìn tấn, kim ngạch 33 triệu USD, giảm 16,8% về lượng nhưng tăng 138,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước.

Diễn biến giá:

Cùng với xu hướng của thị trường thế giới, thị trường phân bón trong nước khá trầm lắng, sức mua yếu nên giá tiếp tục xu hướng giảm. Cụ thể, giá một số chủng loại phân bón như sau: Tại các tỉnh phía Bắc, giá Urea Phú Mỹ giảm 3,9% so với cùng kỳ tháng trước, xuống 17.100 đ/kg; giá Urea TQ giảm 7,6%, xuống 16.300 đ/kg; giá Lâm Lào Cai là 4.000 đ/kg. Tại Đà Nẵng, giá Urea Phú Mỹ giảm 3,9%, xuống 17.200 đ/kg; giá Urea TQ giảm 4,1%, xuống 16.500 đ/kg; giá Lâm Lào Cai là 4.100 đ/kg. Tại Qui Nhơn, giá Urea Phú Mỹ giảm 7,6%, xuống 17.900 đ/kg; giá Urea TQ giảm 7,6%, xuống 17.200 đ/kg; giá Lâm Lào Cai tăng 5,1%, lên mức 4.100 đ/kg. Tại TP. Hồ Chí Minh, giá Urea Phú Mỹ giảm 3,9%, xuống 17.100 đ/kg; giá Urea TQ giảm 4,1%, xuống 17.100 đ/kg; giá DAP Phú Mỹ giảm 7,6%, xuống 21.000 đ/kg; giá Lâm Lào Cai là 4.200 đ/kg. Tại Tiền Giang, giá Urea Phú Mỹ giảm 3,9%, xuống 17.100 đ/kg; giá Urea TQ giảm 4,1%, xuống 16.400 đ/kg; giá Lâm Lào Cai là 4.200 đ/kg.



- Dự báo: Giá phân bón trong thời gian tới có thể sẽ giảm do nhu cầu ở mức thấp trong khi giá nguyên liệu, nhiên liệu dần hạ nhiệt.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Thủy hải sản Việt Nam có nhiều cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ tại Algeria

Mặc dù có đường bờ biển dài (gần 1000 km) song sản lượng đánh bắt của Algeria chỉ đạt 100.000 tấn/năm. Thêm vào đó, thủy hải sản tại Algeria bán rất đắt, không phù hợp với thu nhập của đại đa số người dân. Những yếu tố trên đã khiến Algeria trở thành thị trường tiêu thụ thủy hải sản đầy tiềm năng cho các quốc gia xuất khẩu mặt hàng này, trong đó có Việt Nam. Theo Hải quan Algeria, mỗi năm nước này nhập khẩu 32.000 tấn thủy hải sản, kim ngạch 90-100 triệu USD. Các nước cung cấp chính gồm Tadjikistan, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và Morocco. Tổng thuế và phí nhập khẩu là 53% (trong đó thuế nhập khẩu 30%, VAT 19%, thuế khấu trừ 2% và thuế đoàn kết 2%).



Trước đại dịch Covid-19, giá trị xuất khẩu thủy hải sản Việt Nam sang Algeria khoảng 10 triệu USD/năm. Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của nước ta sang thị trường này chỉ đạt 1,5 triệu USD. Trong 3 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu chủ yếu là cá tra, ba sa filet đông lạnh đạt 780 055 USD, tăng 56% so với cùng kỳ năm 2021. Trên thị trường cá tra filet Việt Nam được bán với giá khoảng 9,5 USD/kg (ngang với loại cá rẻ nhất đánh bắt tại Algeria là cá sardine), mực ống giá 8 USD/kg. Các doanh nghiệp nhập khẩu Algeria cho biết cá tra basa, filet được người dân nước này ưa chuộng về chất lượng và giá cả. Tuy nhiên, từ hai năm trở lại đây, do tác động của Covid-19, cước vận tải tăng, nên giá bán mặt hàng này đã tăng từ 2 đến 3 lần.

Quy định về sử dụng chất phụ gia bảo quản thực phẩm với thủy hải sản nhập khẩu vào Algeria. Ngày 4/7/2017, Cơ quan kiểm soát kinh tế và trấn áp gian lận thương mại Algeria đã có công văn gửi các Sở Thương mại và các cảng biển nước này về vấn đề sử dụng các chất phụ gia bảo quản thực phẩm ký hiệu SIN 330, SIN 331 và SIN 451 đối với cá nguyên con, cá filet và các sản phẩm đánh bắt được đông lạnh. Theo đó, trên bao bì hàng nhập khẩu phải ghi rõ các chất phụ gia bảo quản nói trên, nếu không hàng sẽ bị ách tại cảng khi vào Algeria. Cụ thể:

- Chất phụ gia bảo quản thực phẩm Axit Xitric (SIN 330) được phép sử dụng đối với thủy hải sản.
- Chất phụ gia bảo quản thực phẩm Citrate de Sodium (SIN 331) có thể có các dạng sau:
 - + SIN 331 (i): Citrate Biacide de Sodium: Được phép sử dụng
 - + SIN 331 (ii): Citrate Monoacide Disodique: Không được phép sử dụng
 - + SIN 331 (iii): Citrate Trisodique: Được phép sử dụng
- Chất phụ gia bảo quản thực phẩm Triphosphates (SIN 451) có thể có 03 dạng sau:
 - + SIN 451 (i): Triphosphate pentasodique: Được phép sử dụng
 - + SIN 451 (ii): Triphosphate pentapotassique: Được phép sử dụng.
 - + SIN 451 (iii): Triphosphate de sodium et potassium: Không được phép sử dụng.

Từ tháng 9/2021, Algeria tạm ngừng nhập khẩu cá ngừ và sản phẩm đánh bắt đóng hộp.

Để tăng cường cung cấp thông tin thị trường, kết nối cơ hội giao thương, Thương vụ Việt Nam tại Algeria xin giới thiệu danh sách doanh nghiệp Algeria nhập khẩu thủy hải sản để các công ty trong nước quan tâm liên hệ.

Danh sách một số doanh nghiệp Algeria kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy hải sản tiêu biểu:

1/ MUSKATEN

Địa chỉ : 1 QUAI D'ARCACHON Alger Port, Alger(16), Algeria

Fax : +213 (0) 21438152

Di động : +123 (0) 661510471

Điện thoại : +213 (0) 21438152

Email : muskatenalger@yahoo.fr

Giám đốc : MME LAMIA KHEIRANI

2/ MEKA IMPORT - EXPORT

Địa chỉ : CITE MAAZIZ LOCAL 2 Mazouna, Relizane(48), Algeria

Điện thoại : +213 (0) 550592701

Email : mekaexportimport@gmail.com

Giám đốc : MR MOURAD MEKAZNI

3/ BIG FISH

Địa chỉ : PORT DE PECHE DE BOUDIS Jijel, Jijel(18), Algeria

Di động : +213 (0) 777006691

Email : eurlbigfish@gmail.com

Fax : +213 (0) 34477767

Điện thoại : +213 (0) 34477767

Giám đốc : MR AMMAR ZERARA(GRT)

4/ ORAN PECHE

Địa chỉ : 69 COOP. ERRABIE POINT DU JOUR Oran, Oran(31), Algeria

Fax : +213 (0) 41421160

Email : oranpeche@yahoo.fr

Di động : +213 (0) 661216868

Điện thoại : +213 (0) 41421160

Giám đốc : MR AMINE KAMLI

5/ INALCA ALGERIE-UNITE DE PRODUCTION

Địa chỉ : ROUTE DE LA GARE BP 64 Corso, Boumerdes(35), Algeria

Fax : +213 (0) 24951233

Điện thoại : +213 (0) 24951323

Email : inalca_co@hotmail.fr

Di động : +213 (0) 560552298

Email : secretariat.corso@inalca.it

Giám đốc : MME MADINA KANE

6/ NDI - GROUPE DJAADI

Địa chỉ : RTE DE BOUCHAOUI BP 78 Ouled Fayet, Alger(16), Algeria

Email : sarlndi@yahoo.fr/ndi.commercial@yahoo.com

Fax : +213 (0) 23289221

Điện thoại : +213 (0) 23289228

Di động : +213 (0) 560968444

Giám đốc : MR SAMIR DJAADI(COG)

7/ AGROBAZ

Địa chỉ : CITE 2038 LOGTS ILOT 07 BT 31 LOCAL 448 Bab Ezzouar, Alger(16), Algeria

Di động : +213 (0) 555022645

Điện thoại : +213 (0) 560988709

Email : contact@premium-dz.com

Giám đốc : MR ALI MEZIANE

Email : ali.meziane@premium-dz.com

Di động : +213 (0) 560988709

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

GIAO THƯƠNG

Nhận cung cấp trà và rau củ quả sấy khô

Cơ sở kinh doanh các mặt hàng nông sản tại địa bàn phía Nam nhận cung cấp trà xanh, trà đen, trà ướp hương và trà ô long cho khách hàng trong và ngoài nước. Đặc biệt là các loại trà thượng hạng, chất lượng cho những khách hàng có nhu cầu cao và thị trường xuất khẩu khó tính. Doanh nghiệp nhận đóng gói theo yêu cầu của khách hàng.

+ Thông tin sản phẩm

Trà sạch, ngon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng cao.

Giá cả hợp lý, nguồn gốc rõ ràng, số lượng lớn, nguồn hàng ổn định.

Sản phẩm đa dạng, phong phú

+ Thông tin khác

Môi trường làm việc chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước. Chuyên đóng gói cho hệ thống siêu thị.

Nhận gia công đóng gói cho các mặt hàng gia vị rau củ quả sấy khô.

+ Thông tin liên hệ

Người liên hệ: Ms Chung:

ĐT: 0933.915.045

Email: chung.vikafoods@gmail.com.

Thu mua nông sản các loại

Công ty TNHH XNK Thế Giới Xanh là một công ty chuyên thu mua và xuất khẩu nông sản và trái cây các loại với số lượng lớn. Hiện tại, công ty cần thu mua số lượng lớn các loại nông sản: măng cầu xiêm tươi, chanh tươi không hạt, thanh long tươi ruột đỏ và trắng.

+ Thông tin liên hệ

Công ty TNHH XNK Thế Giới Xanh

Địa chỉ: Số 177 Trường Chinh, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM

ĐT: 0918 000 310; 0988 357 470 (Phòng thu mua)

Nhận cung cấp đầu cá cơm số lượng lớn

Cơ sở kinh doanh nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi tại địa bàn phía Nam nhận đầu cá cơm số lượng lớn.

+ Thông tin sản phẩm

Đầu cá cơm khô với chỉ tiêu như sau:

Đạm35 % min

Âm.....15% max

Muối.....12% max

Các sạn.....3% max

Xuất xứ Việt Nam

+ Thông tin liên hệ

Người liên hệ Hằng

ĐT: 0937 392 133

Email: hangtran078@gmail.com



Nhận cung cấp bắp ủ chua với số lượng lớn

Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi nhận cung cấp bắp ủ chua với số lượng lớn, ổn định hàng tháng.

+ *Thông tin sản phẩm*

Thức ăn ủ chua bắp là cây thức ăn gia súc chất lượng cao, năng lượng cao, thức ăn lên men thích hợp cho động vật nhai lại đặc biệt đối với bò sữa và beeves.

Khi bắp được trồng bắp ủ chua, thời gian thu hoạch thích hợp là rất quan trọng. Giai đoạn trưởng thành của bắp sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của bắp ủ chua vì số lượng các chất dinh dưỡng và độ ẩm trong các nhà máy. Mục tiêu của doanh nghiệp là để bảo vệ cây trồng bắp lên men yếm khí để sản xuất tối ưu bắp ủ chua.

Toàn bộ cây bắp ở khoảng thời gian 60 ngày, thường thu hoạch ở một độ ẩm toàn bộ nhà máy là 65%. Các cây bắp cắt nhỏ được trực tiếp đóng gói trong túi nhựa kín 0,15-0,17 mm độ dày).

Trọng lượng tịnh của một túi PE là 20 KG.

Sản phẩm không cần phụ gia cho bảo quản bắp ủ chua tốt (pH <4, độ ẩm 65%)

+ *Thông tin liên hệ*

Người liên hệ: Ms.Lan

ĐT: 08.38.417.656-0908.248.945

Email: slaes12.sgn@pata-logistics.com

Skype: lan.nguyen.3110

Nhận cung cấp khoáng CaCl₂ bột, canxi hạt Ấn Độ cho tôm

Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp tại địa bàn TP. HCM nhận cung cấp khoáng CaCl₂ bột, canxi hạt Ấn Độ cho tôm với số lượng lớn.

+ *Thông tin sản phẩm*

Thành phần: MgCl₂ 94%

Đặc tính: dạng vảy, màu trắng

Công dụng:

Bổ sung magie trong thức ăn chăn nuôi và trong ao nuôi thủy sản.

Kích thích tôm cá nhanh lột xác

Ngừa cong thân cho tôm

Là nguyên liệu để sản xuất phân bón.

Liều dùng: 2kg/1000m³

Quy cách: 25 Kg/Bao

Xuất xứ: Ấn Độ

+ *Thông tin liên hệ*

Công ty TNHH XNK Quỳnh Thiên Phát

Địa chỉ: P.Hiệp Thành, Q.12, TP.HCM

ĐT: 034 2210 968 (Zalo) – 091 6971 948

Người liên hệ: Ms Quỳnh

Email: vothiquyen1195@gmail.com

Website:

Facebook: <https://www.facebook.com/Congtytnhxnkquynhthienphat>

Tìm đối tác kinh doanh đậu xanh indo

Công ty TNHH MTV Hoàng Khiêm cần bán đậu xanh indo nguyên vỏ.

Hiện tại doanh nghiệp có 20 tấn đậu xanh indo chưa cà, cần tìm người hợp tác lâu dài, có xe vận chuyển ngoài ra bên mình còn có dịch vụ bán màu hỗ trợ.

Doanh nghiệp hay cá nhân nào cần nguồn cung cấp có thể liên hệ:

Email: khiemnguyen.psb@gmail.com

ĐT: 0973533697

Địa chỉ: Số 7 Văn Công Khai, P. Phú Cường, tỉnh Bình Dương

Cần thu mua sàu riêng

Doanh nghiệp chuyên về sản xuất và xuất khẩu nông sản tại địa bàn phía Nam đang cần mua sàu riêng với số lượng lớn để cung cấp cho các cửa hàng, đại lý trong nước và ngoài nước.

Do đó doanh nghiệp cần hợp tác lâu dài và ổn định với công ty, doanh nghiệp hoặc cá nhân có nguồn cung cấp sâu rộng.

+ Thông tin liên hệ:

Địa chỉ liên hệ: Số 29/15,
Đường số 2, Khu phố Đông,
Phường Vĩnh Phú, Huyện Thuận
An, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 090304 7955 - 0903
944 669

Nhận cung cấp hạt giống cải cúc nếp

Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp tại địa bàn miền bắc nhận cung cấp hạt giống cải cúc nếp với số lượng lớn.

+ Thông tin sản phẩm

Hạt giống cải cúc nếp

- Đặc tính: Có mùi thơm đặc biệt, không đắng, bản lá màu xanh trung bình, cây cao 20-25cm.
- Thời vụ trồng: Quanh năm, vụ chính Đông – Xuân, Xuân – Hạ
- Thời gian thu hoạch: 35-2 ngày sau gieo
- Lượng giống: 2-3 kg/1000 m³
- Độ ẩm: 10%
- Độ sạch: 98%
- Tỷ lệ nảy mầm: 85%

+ Thông tin liên hệ:

Liên hệ trực tiếp theo số điện thoại: 036.436.4746.

Nhận cung cấp đậu đỗ số lượng lớn

Công ty NOSAGO nhận cung cấp đậu đỗ với số lượng lớn.

+ Thông tin sản phẩm

Đậu đỗ mùa mới, hàng nhiều. Doanh nghiệp có khả năng cung cấp từ 10 - 100 tấn/tháng, vận chuyển hầu hết các tỉnh và thành phố trong cả nước.

Đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng, ổn định quanh năm, giá cạnh tranh.

Đặc biệt thích hợp cho các khách hàng cần đậu đỗ số lượng lớn làm bánh hoặc để xuất khẩu

+ Thông tin liên hệ:

Công ty TNHH NOSAGO

ĐT: 0943900493

Người liên hệ: Yến Chi

Email: yENCHI@nosago.com

Cần mua trấu số lượng lớn

Doanh nghiệp tại Long An cần thu mua số lượng lớn trấu (10000 tấn/tháng) tại địa phương và các tỉnh phía Nam.

+ Thông tin liên hệ:

Liên hệ trực tiếp qua địa chỉ email: ngtete94@gmail.com, gặp Nguyễn Trang Địa

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương



THÔNG TIN CẢNH GIÁC

Chăn nuôi heo miền Tây gặp khó khi giá thức ăn chăn nuôi tăng cao

Thời gian qua, nhiều hộ chăn nuôi heo tại miền Tây đều rơi vào tình trạng khó khăn và thậm chí đứng trước nguy cơ “treo chuông” do giá heo hơi duy trì ở mức thấp trong khi giá thức ăn chăn nuôi vẫn có xu hướng tăng cao. Tại Cần Thơ, đến thời điểm hiện nay, giá heo hơi vẫn đang ở mức thấp, người chăn nuôi chỉ huê tới lỗ khi giá thức ăn chăn nuôi tăng cao. Theo báo cáo của Chi cục Chăn nuôi và Thú y TP. Cần Thơ, giá heo hơi hiện nay khoảng 59.000 - 60.000 đồng/kg, nghĩa là tăng khoảng 10% so với hồi đầu năm nay. Nguyên nhân giá heo hơi tăng khoảng 10% là do chi phí chăn nuôi, thức ăn đã tăng lên khoảng 15.000 đồng/kg.



Thời điểm trước khi dịch tả heo châu Phi xuất hiện, tổng đàn heo ở xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ khoảng 20.000 con.

Thế nhưng đến nay chỉ còn trên dưới 6.000 con gồm cả heo giống, sinh sản, hậu bị và heo thịt. Nhiều hộ, trang trại buộc phải treo chuông vì giá thức ăn chăn nuôi tăng cao. Một số người chăn nuôi cho hay, bình quân mỗi lần thức ăn tăng giá từ 200 - 300 đồng/kg và mỗi bao 25kg sẽ tăng từ 7.000 - 8.000 đồng. Những hộ nuôi chuyên qua thức ăn cám bột, cám gạo sẽ tốn kém hơn, bởi mọi năm cám gạo rẻ nhưng năm nay cám gạo giá lúc nào cũng cao.

Giá heo hơi tăng khoảng 59.000 - 60.000 đồng/kg do tỷ lệ tái đàn ở các tỉnh, thành vùng ĐBSCL và các tỉnh miền Đông khá thấp, khiến nguồn cung trong các hộ nuôi giảm. Với mức giá như hiện nay, nuôi có lời nhưng chưa nhiều đủ để duy trì các hoạt động chăn nuôi và nhiều hộ dân đã giảm đàn. Theo ông Phan Thế Tường, Chủ trang trại Tường An Agri, giá thức ăn chăn nuôi hiện tại chiếm tới 76% cơ cấu giá heo thành sản phẩm. Trong giai đoạn này, giá thức ăn liên tục tăng cao khiến người chăn nuôi rất khó khăn. Giá heo ra thị trường 54.000 đồng/kg, nhưng để tạo ra 1kg thịt heo thành phẩm bây giờ người chăn nuôi phải chi phí từ 58.000 - 60.000 đồng.

Theo Sở NN&PTNT TP. Cần Thơ, kể từ đầu năm cho đến nay thức ăn chăn nuôi liên tục điều chỉnh giá, hiện nay khoảng 14.000 - 15.000 đồng/kg, trong khi giá heo hơi trên thị trường chỉ tăng nhẹ, dao động ở mức 57.000 - 60.000 đồng/kg. Khi thức ăn chăn nuôi tăng cao, nếu tính thêm chi phí về nhân công và khấu hao chuồng trại thì coi như người nuôi cầm chắc thua lỗ. Trước đây, sản lượng chăn nuôi của Cần Thơ cung ứng từ 50%-70% nhu cầu thị trường, số lượng còn lại nhập từ các tỉnh thành khác để cung ứng đủ cho người tiêu dùng. Trong khi đó, vấn đề giảm đàn, giảm quy mô chăn nuôi đã và đang diễn ra trên địa bàn thành phố Cần Thơ từ khi dịch tả heo châu Phi bùng phát.

Theo ghi nhận, chỉ trong nửa đầu tháng 4/2022, các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi lớn nhất Việt Nam tiếp tục điều chỉnh giá bán. Từ ngày 1/4/2022 Công ty TNHH CJ Vina Agri tăng 400 đồng/kg với tất cả thức ăn đậm đặc, thức ăn cho heo con, bò. Tương tự, Công ty Greenfeed Việt Nam cũng thông báo đến hệ thống đại lý tăng thêm 300-400 đồng/kg cho các sản phẩm tùy loại.

Riêng Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Việt Trung tăng tới 500 đồng/kg cho một số sản phẩm. Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam sau khi tăng 400 đồng/kg với thức ăn cho heo con và 300 đồng/kg với thức ăn hỗn hợp... trong tháng 3, thì vừa tiếp tục tăng 400 đồng/kg với hầu hết các sản phẩm chăn nuôi. Theo các đại lý bán thức ăn tại Cần Thơ lý giải, nguyên nhân thức ăn chăn nuôi tăng giá chóng mặt như hiện nay do ảnh hưởng chiến tranh làm đứt gãy nguyên liệu đầu vào để sản xuất thức ăn thành phẩm. Ngoài ra, do giá khí đốt, xăng dầu tăng cao khiến chi phí vận tải tăng nên các công ty phải điều chỉnh giá bán. Bên cạnh đó, nguyên liệu dự trữ của các công ty hiện tại không còn mà phải nhập về với giá cao và số lượng cũng khan hiếm.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM

Thực phẩm chế biến từ côn trùng có thể gây hậu quả khôn lường cho sức khỏe

Hiện nay, thực phẩm chế biến từ côn trùng đang trở nên phổ biến hơn trong thực đơn không chỉ của nhà hàng mà còn trong hộ gia đình. Đây là loại thực phẩm được đánh giá là ngon, lạ miệng và thuần sạch vì hoàn toàn có nguồn gốc từ thiên nhiên. Tuy nhiên, các cơ quan quản lý từng nhiều lần cảnh báo về hiện tượng ngộ độc, thậm chí tử vong do ăn côn trùng. Theo Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế), tại Việt Nam, việc sử dụng cào cào, châu chấu, nhộng tằm, dế, ong, mối, nhộng ve sầu, sâu cây chít, sâu cây dâu, sâu cây sắn dây... làm thức ăn, thậm chí được chế biến thành những món “đặc sản” như bọ cạp chiên, châu chấu sốt sa tế, bọ xít rang lá chanh, trứng cào cuồng



phơi khô để làm bánh ngọt, dế chiên... khá phổ biến. Tuy nhiên rất nhiều trường hợp ngộ độc đáng tiếc đã xảy ra, một số ca may mắn được cấp cứu kịp thời, đảm bảo tính mạng. Dù rất nhiều lần được cảnh báo.

Nguyên nhân dẫn đến ngộ độc thường là do sử dụng côn trùng đã chết (sinh ra độc tố); tiếp xúc hoặc ăn nấm độc, nhựa cây độc như cây cọc rào, thầu dầu tía... hoặc các chất tiết có độc tố... không bị phá hủy ở nhiệt độ chế biến; do cơ địa người ăn mẫn cảm với protein lạ trong côn trùng. Triệu chứng ngộ độc nhiều hay ít, nhẹ hay nặng tùy theo loại độc tố trong côn trùng, tổng lượng đã ăn vào và cơ địa người ăn (người già, người có uống rượu, phụ nữ có thai, trẻ em... thường bị nặng). Dấu hiệu ngộ độc thường là buồn nôn, nôn, run tay chân; một số trường hợp nặng thì nôn nhiều, co giật tay chân, chóng mặt, tăng tiết, cứng hàm, kích thích vật vã, khó thở, ý thức lơ mơ, hôn mê, sần ngứa, ban dạng mảng toàn thân... và có thể tử vong. Vì thế, để phòng ngừa, Cục An toàn thực phẩm khuyến cáo, mọi người tuyệt đối không ăn các loại nhộng, ấu trùng, côn trùng lạ đã bị chết hoặc có hình dạng, màu sắc khác lạ với tự nhiên; không nên dùng các loại côn trùng lạ để chế biến thành các món ăn tái, sống, hoặc ngâm rượu...

Việc dùng côn trùng làm món ăn đòi hỏi quy trình chế biến, làm sạch cầu kỳ, cẩn trọng mà không phải nhà hàng hay thực khách nào cũng nắm rõ kiến thức sơ chế đảm bảo an toàn. Theo khuyến cáo của Hội Côn trùng học Việt Nam, côn trùng có thể được sử dụng như một loại thực phẩm bổ sung bởi chúng có hàm lượng protein cao cũng như rất giàu các vi chất (đồng, sắt, photpho, selen và kẽm). Tuy nhiên, không phải loài côn trùng nào cũng có thể sử dụng làm thực phẩm. Lưu ý, khi thu bắt côn trùng ngoài tự nhiên, nếu không cẩn thận thì vẫn có thể nhầm lẫn côn trùng lành tính với côn trùng không ăn được, đó là chưa kể tình huống côn trùng lẫn với tạp chất, nấm mốc có hại. Do đó, không thể khẳng định cứ là côn trùng bắt ngoài tự nhiên thì hoàn toàn sạch, có thể yên tâm sử dụng. Tùy theo môi trường thu bắt côn trùng để biết côn trùng có sạch không hay bị dính thuốc trừ sâu, dính các tạp chất độc hại khác. Có nhiều trường hợp ăn phải côn trùng nhiễm độc nên cũng ngộ độc theo.

Đặc biệt, khi chế biến món ăn từ côn trùng cần phải có quy trình xử lý đảm bảo. Ví dụ, nên rửa sạch côn trùng bằng nước muối, thậm chí là cần để “khử” hết nấm độc, giun, rận... bám trên mình côn trùng. Quá trình sơ chế, chế biến cần bảo đảm an toàn bằng cách ngâm, thả côn trùng vào nước muối ấm, nước sôi... để côn trùng bị kích thích, thải hết chất độc. Ngoài ra, cần loại bỏ ruột, cánh, chân, đầu, vòi; rửa sạch bằng nước ấm, nước muối để loại bỏ vi sinh vật, chất bẩn bám trên thân côn trùng; đun chín kỹ và ăn ngay sau khi chế biến. Đặc biệt, tuyệt đối không ăn sống, ăn tái, nấu chín nguyên con không qua sơ chế, vệ sinh... Nguyên tắc khi ăn côn trùng, ví dụ như loại bọ xít, là phải chế biến ở nhiệt độ cao để phân giải chất độc. Trong trường hợp sau khi ăn có các biểu hiện, triệu chứng khác thường như mệt mỏi, choáng váng, buồn nôn, mẫn ngứa, đau bụng, rối loạn tiêu hóa... thì cần đến ngay các cơ sở y tế để được khám và điều trị kịp thời.

Nguồn: Ban biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả trong tỉnh

T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 23/5/2022	Giá cả TT Ngày 30/5/2022	T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 23/5/2022	Giá cả TT Ngày 30/5/2022
I	Thực phẩm tiêu dùng			9	Dưa leo	15.000	16.000
1	Cá điêu hồng	50.000	50.000	10	Khoai cao	40.000	40.000
2	Cá lóc nuôi	50.000	55.000	11	Nấm rơm	100.000	100.000
3	Cá kèo nuôi	85.000	85.000	12	Bắp cải trắng	12.000	12.000
4	Cá rô phi	35.000	35.000	13	Đậu que	30.000	25.000
5	Cá trê nuôi	35.000	30.000	14	Đậu đũa	16.000	12.000
6	Cá tra (cá hú)	60.000	60.000	15	Cà tím	22.000	16.000
7	Cá tra thịt trắng	45.000	45.000	16	Bí đao	12.000	15.000
8	Lươn loại 1	190.000	190.000	17	Bí rợ (bí đỏ)	15.000	15.000
9	Ếch nuôi	60.000	60.000	18	Ớt	55.000	52.000
10	Tôm càng xanh	240.000	240.000	19	Gừng	22.000	22.000
11	Mực ống loại lớn	180.000	180.000	20	Đậu bắp	16.000	25.000
12	Thịt heo đùi	100.000	100.000	21	Khô qua	28.000	28.000
13	Thịt heo nạc	120.000	120.000	22	Bầu	16.000	16.000
14	Thịt heo ba rọi	120.000	120.000	23	Cà chua	30.000	26.000
15	Thịt bò đùi	220.000	220.000	III	Trái cây		
16	Thịt bò phi lê (thăn)	230.000	240.000	1	Quýt đường	45.000	45.000
17	Vịt làm sẵn (nguyên con)	85.000	85.000	2	Bưởi năm roi	40.000	40.000
18	Thịt gà ta (nguyên con)	130.000	130.000	3	Xoài cát Hòa Lộc	25.000	30.000
19	Trứng gà ta	3.500	3.400	4	Xoài cát chu	20.000	15.000
20	Trứng gà công nghiệp	3.200	3.200	5	Táo Mỹ	80.000	80.000
21	Trứng vịt	3.000	3.000	6	Táo xanh	80.000	80.000
II	Rau củ quả			7	Dưa hấu	12.000	12.000
1	Cải xanh	18.000	15.000	8	Sapo	25.000	25.000
2	Cải ngọt	18.000	15.000	9	Cam mật	30.000	35.000
3	Cải thìa	16.000	20.000	10	Cam sành	40.000	40.000
4	Rau muống	20.000	12.000	11	Thanh Long	15.000	15.000
5	Rau mồng tơi	14.000	16.000	12	Chôm chôm nhãn	40.000	40.000
6	Cải xà lách	14.000	20.000	13	Mãng cầu xiêm	30.000	30.000
7	Hành lá	25.000	30.000	14	Mãng cầu ta	35.000	35.000
8	Củ kiệu	25.000	35.000	15	Ổi	15.000	15.000

Nguồn: Tiểu thương chợ Trà Vinh (Biên soạn lại: Phạm Thành Nam - Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại TV)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long

T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 23/5/2022	Giá cả TT Ngày 30/5/2022	T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 23/5/2022	Giá cả TT Ngày 30/5/2022
I	Thực phẩm tiêu dùng			31	Cần tàu	30.000	30.000
1	Cải ngọt	15.000	15.000	32	Kiệu	35.000	35.000
2	Cải xanh	12.000	12.000	33	Bầu	14.000	15.000
3	Củ cải trắng	22.000	22.000	34	Mướp	14.000	12.000
4	Rau muống	15.000	16.000	II	Trái cây		
5	Cải xoong	35.000	35.000	1	Cam sành	35.000	40.000
6	Rau dền	15.000	15.000	2	Cam mật	30.000	35.000
7	Mồng tơi	14.000	14.000	3	Quýt đường	50.000	45.000
8	Bông bí	20.000	20.000	4	Bưởi năm roi	40.000	40.000
9	Xà lách	20.000	20.000	5	Bưởi da xanh	50.000	50.000
10	Su su	25.000	25.000	6	Xoài cát Chu	15.000	15.000
11	Bắp non	35.000	35.000	7	Xoài cát Hoà Lộc	20.000	30.000
12	Cà rốt	30.000	25.000	8	Xoài Đài Loan	12.000	12.000
13	Khoai tây	30.000	30.000	9	Chôm chôm nhãn	30.000	40.000
14	Củ dền	25.000	25.000	10	Chôm chôm Java	30.000	30.000
15	Cải thảo	25.000	25.000	11	Mãng cầu xiêm	30.000	30.000
16	Dưa leo	20.000	20.000	12	Mãng cầu ta	35.000	35.000
17	Cà tím	18.000	20.000	13	Dưa hấu	12.000	12.000
18	Bí đao	15.000	15.000	14	Thanh Long	15.000	15.000
19	Bí rợ	20.000	20.000	15	Sapo	25.000	25.000
20	Đậu bắp	15.000	15.000	16	Ổi	15.000	15.000
21	Khổ qua	20.000	20.000	17	Táo xanh	80.000	80.000
22	Cà chua	20.000	20.000	18	Táo Mỹ	80.000	80.000
23	Hành lá	40.000	30.000	19	Táo Trung Quốc	55.000	50.000
24	Hẹ	30.000	30.000	20	Nho Mỹ	200.000	200.000
25	Khoai cao	25.000	25.000	III	Gạo		
26	Bắp cải trắng	20.000	15.000	1	Gạo thơm Jasmine	16.000	16.000
27	Đậu que	20.000	20.000	2	Gạo Hương Lài	19.000	19.000
28	Đậu đũa	15.000	15.000	3	Gạo thơm Đài Loan	20.000	20.000
29	Măng tươi	45.000	45.000	4	Gạo Nàng Hoa	17.500	17.500
30	Ớt	40.000	45.000	5	Gạo thường	14.000	14.000

Nguồn: Sở Nông nghiệp An Giang (Biên soạn lại: Phạm Thành Nam - TT Khuyến công và Xúc tiến Thương mại TV)

THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ SẢN PHẨM OCOP TỈNH TRÀ VINH

CỒM DẸP HÙNG TUYỀN (OCOP 3 SAO) HỘ KINH DOANH THẠCH HÙNG



Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM VĂN TẮM

Giám đốc Sở Công Thương

Ban Biên tập:

NGUYỄN THỊ MỘNG THU - Trưởng ban

VÕ MINH CÀM - Phó Trưởng ban

XUẤT-BẢN PHẨM KHÔNG BÁN

In: 500 cuốn, khổ 19 x 27 cm. Tại Công ty Cổ phần VHTH Trà Vinh. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 17/02/2022. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2022.